

LUẬN-VĂN TỐT-NGHIỆP
BAN ĐỐC SỰ
HỌC VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

PHÂN-TÍCH PHÊ-BÌNH CHÍNH-SÁCH

BÌNH-ĐỊNH VÀ PHÁT-TRIỂN NÔNG-THÔN
CĂN - BẢN HIỆN TẠI CỦA CHÁNH - PHỦ

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA
VIỆT NAM
số 003364

HƯỚNG DẪN :

Giáo-sư **TRẦN VĂN ĐÌNH**

ĐỀ TRÌNH :

Sinh-viên **LÝ HỒNG SƠN**

BAN ĐỐC-SỰ KHÓA XV
NIÊN - KHÓA 1967 - 1970

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 3364

ĐỐC SỰ HÀNH CHÁNH

PHÂN TÍCH PHÊ BÌNH CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CĂN BẢN HIỆN TẠI CỦA CHÁNH PHỦ

LÝ HỒNG SƠN

Chân-thành tri-ân ôu-ơa

Giáo-sư TRẦN-VĂN-ĐÌNH

*Đã hướng dẫn và khuyến khích chúng tôi
trong việc hoàn tất Luận-văn này.*

Kính tặng :

- Giáo-sư **VIỆN-TRƯỞNG.**
- Giáo-sư **PHÓ VIỆN-TRƯỞNG.**
- Quý-Vị Giáo-Sư Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh.
Đề ghi-nhờ công-ơn những ngày dạy-dỗ.

Kính tặng :

- Ông Tổng Thư-Ký
- Quý-vị **GIÁM-ĐỐC, PHÓ GIÁM-ĐỐC, CHÁNH SỰ-VỤ.**
- Toàn thể Nhân-Viên các cấp Bộ Phát-Triển Nông-Thôn.

*Đã giúp đỡ tài liệu, ý kiến để
soạn thảo tập Luận-văn này.*

Hình dáng Cha-Mẹ

Đề ghi nhớ công ơn trời biển.

Cho mẹ con Diêm-Đục

Đề tập làm phần đầu.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

CHƯƠNG DẪN NHẬP.-

- 1.- Nguyên nhân sơ khởi của cuộc chiến tranh nông thôn 1
- 2.- Bản chất của cuộc chiến tranh nông thôn 3
- 3.- Các đáp số cho bài toán nông thôn từ thời Đế I Cộng-Hòa đến cuối năm 1969 5

CHƯƠNG THỨ NHẤT : PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH BÌNH ĐÌNH VÀ PHÁT TRIỂN 1970

- Tiết I : Những nét đại cương 14
- Tiết II : Quan niệm căn bản 20
- Tiết III : Sự thi hành 23

CHƯƠNG THỨ HAI.- PHÊ BÌNH CHÍNH SÁCH BÌNH ĐÌNH VÀ PHÁT TRIỂN 1970

- Tiết I : Ưu điểm hay là những nét đặc thù 30
- Đoạn 1 : Soạn thảo kế hoạch 31
 - Đoạn 2 : Cơ cấu tổ chức thực thi 32
 - Đoạn 3 : Mục tiêu của kế hoạch 33
 - Đoạn 4 : Yếu tố nhân sự 34
- Tiết II : Khuyết điểm hay là viễn tượng các trở ngại 41
- Đoạn 1 : Về phương diện kế hoạch 42
 - Đoạn 2 : Về phương diện nhân sự 45
- Tiết III : Vài nhận xét và đề nghị : 48
- Đoạn 1 : Ý nghĩa của vấn đề phát triển xã thôn 48
 - Đoạn 2 : Những điều kiện cần và đủ để phát triển xã thôn 50

- ### KẾT LUẬN.- Hình dung một nông thôn khi thanh bình 55
- Tương lai của Bộ Phát Triển Nông Thôn (cải danh xưng) 56
 - Vai trò của người cán bộ (ten vào nhân dân)

LỜI NOI ĐẦU

Ngay 7 tháng 5 năm 1954 Điện Biên Phủ thất thủ đánh dấu sự cáo chung của chế độ thực dân mù quáng và tham vọng thống trị của người Pháp tại Việt Nam. Phải hơn 2 tháng trời mặc cả, nhượng bộ, áp lực ngày 20.7.1954 Hiệp Định Genève được ký kết quyết định lấy vĩ tuyến 17 làm "giới tuyến quân sự tạm thời" chia cắt đất nước Việt-Nam thành 2 miền riêng biệt.

Như tất cả cuộc chiến tranh giới hạn không có hiện tuyến (Triều Tiên, Ấn Hồi, Israel và khối Ả Rập) đều kết thúc bằng một sự ngưng bắn, hưu chiến chứ không bằng một hiệp ước hòa bình, Hiệp định Genève 1954 cũng là Hiệp định ngưng bắn có tính cách quân sự. Vấn đề quan trọng cho 2 miền Nam Bắc là sự thống nhất lãnh thổ được đề cập tại điều 7 của Tuyên cáo tối hậu: "Để cho nền hòa bình tái lập đem lại nhiều kết quả có đủ điều kiện cần thiết cho toàn dân phát biểu ý kiến, cuộc tổng tuyển cử dự liệu trong thỏa hiệp ngưng bắn sẽ được tổ chức trước ngày 20-7-1956 dưới sự kiểm soát của Ủy Hội Quốc Tế." Hiệp Định Genève còn đề cập đến vấn đề hiệp thương, trao đổi kinh tế nối lại sự bình thường giữa 2 miền Nam Bắc.

Một trang sử đen tối đầy dẫy những tham vọng lỗi thời đã lật qua. Dân tộc Việt Nam những tưởng sau gần 9 năm trời (1946-1954) đắm chìm trong nỗi thảm khốc của chiến tranh chống Pháp sẽ được yên vui sống lại thuở thanh bình và hoài vọng một ngày mai thống nhất Bắc Nam. Nhưng miền Nam lại lao mình vào cơn lốc của một hình thái chiến tranh mới dai dẳng, toàn diện tàn phá khuôn thước xã hội và tâm tì nh con người. Đó là chiến tranh du kích, một bộ phận chủ yếu

chiến lược trong chiến thuyết chiến tranh Nhân Dân Cách Mạng của Mao Trạch Đông được Cộng Sản chủ hầu miền Bắc phát động nhằm đục khoét gặm nhấm lên hồi nông thôn Việt Nam từ đó. Cho đến bây giờ, cuộc chiến tranh này không những vẫn còn là cuộc chiến tranh ý thức hệ, mà kích thước của một cuộc tranh chấp quốc tế đã quá rõ ràng: đằng sau của miền Nam là những lực lượng hùng hậu của Hoa Kỳ (550.000 quân), Đại Hàn (50.000) Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan (10.000) Thái Lan v.v... đó xô vào cuộc chiến biết bao nhân mạng tài sản vũ khí, và đằng sau Mặt trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam là Cộng - Sản miền Bắc có cả một khối hậu thuẫn vĩ đại của Liên Xô, Trung Cộng cùng các quốc gia Cộng Sản khác.

Vì nhận thức được bản chất của cuộc chiến tranh hiện tại là chánh trị, chứ không phải là quân sự có kẻ thắng - người bại theo nghĩa thắng bại cổ điển, chánh phủ miền Nam đã dặt tất cả nhân lực, vật lực, tài lực vào "kế hoạch Bình Định và Phát Triển Nông Thôn 1970" như là một phương thức duy nhất giải quyết toàn bộ cuộc chiến tranh hiện tại để đi đến cứu cánh là hòa bình trường cửu và công chính trong tương lai. Và lại mọi người chúng ta không ai quên lời nói bất hủ của cố Tổng Thống Mỹ J.F.Kennedy "Nếu con người không chấm dứt chiến tranh thì chiến tranh sẽ chấm dứt con người" Hơn thế nữa, ngày nay chủ thuyết "Á Châu tự quản" hay chủ thuyết Nixon đang được thi hành (thay thế chủ thuyết Domino cũ) để "Việt hóa" cuộc chiến tranh nghĩa là các lực lượng đồng minh đang trao dần gánh nặng chiến tranh cho chúng ta thì chính sách Bình Định và Phát Triển Nông thôn hiện tại quả thực là một đáp số tối thiết vừa tự bảo vệ quê hương vừa tự xây dựng phát triển xóm làng.

Do đó trước khi đi vào 2 phần chính của đề tài là phân tích và phê bình kế hoạch Bình Định và Phát Triển 1970 thiết tưởng trong chương dẫn nhập chúng ta tìm hiểu tổng quát lần lượt các vấn đề sau:

- 1.- Nguyên nhân sơ khởi của cuộc chiến tranh nông thôn.
- 2.- Bản chất cuộc chiến tranh nông thôn.
- 3.- Những đáp số cho bài toán nông thôn từ thời Đệ I Cộng Hòa đến năm 1969.

Chương Dẫn Nhập

I. - NGUYÊN NHÂN SƠ KHỞI CỦA CUỘC CHIẾN TRANH NÔNG THÔN. -

1. - Không thi hành các điều khoản của Hiệp Định Genève 1954. -

Ngày 17-6-1954, Quốc Trưởng Bảo Đại chỉ định Ông Ngô Đình Diệm thành lập Chính phủ miền Nam. Nhận thấy Bảo Đại nhu nhược, chỉ là " tù nhân trong tay người Pháp", không được lòng dân và khó thắng Cộng Sản trong cuộc Tổng Tuyển cử 1956, Ông Diệm đã âm mưu tổ chức cuộc Trưng Cầu Dân Ý ngày 22.10.1955 truất phế Bảo Đại, kêu gọi sự giúp đỡ của Hoa Kỳ. Ngày 26.10.1955 Ông tuyên bố thiết lập nền Cộng Hòa Việt Nam và lo củng cố chế độ. Khi Quân Đội Viên Chính Pháp rút xuống tàu về Pháp ngày 26.4.56 thì miền Nam mới thực sự trở thành là một Quốc Gia độc lập.

Uy tín của Ông Diệm tăng lên khi gần một triệu người miền Bắc di cư rời bỏ ngục tù Cộng Sản đổ xô vào Nam tìm tự do. Trước đó ngày 23.10.1954 Tổng Thống Eisenhower cũng gửi thư cho Ông Diệm bảo đảm sự trợ giúp vô điều kiện của Hoa Kỳ.

Bởi những lẽ này, cộng thêm sự mệt mỏi và suy kém của miền Bắc sau Hiệp Định Genève đã làm Ông Diệm cương quyết tuyên bố ngày 16.7.55 : "chúng ta không ký kết Hiệp Định Genève. Bất cứ về phương diện nào chúng ta cũng không thể bị ràng buộc bởi Hiệp Định đó đã được ký kết trái với ý nguyện của toàn dân Việt Nam" Sự từ chối dứt khoát thi hành Hiệp Định Genève, nhất là trong đó có điều khoản Tổng tuyển cử, trao đổi kinh tế nối lại bình thường 2 miền Nam Bắc làm tan vỡ giấc mộng thôn tính miền Nam bằng giải pháp chính trị tháng 7-1956 của Cộng Sản miền Bắc.

2. - Những sai lầm căn bản đầu tiên của chế độ Ngô Đình- Diệm. -

Miền Bắc sau thất bại mùa thu 1956 trong chương trình cải cách điền địa với những vụ đầu tố đẫm máu, còn chịu đựng thêm cuộc nổi dậy ở Quỳnh Lưu 1956, rồi Nhân Văn-Giai Phẩm. Chính quyền Ông Diệm thay vì lợi dụng những thắng lợi trong các năm đầu 1956-1959 để phục hưng miền Nam, thanh toán tầng tích Cộng Sản, lại sa lầy dần vào các lỗi lầm căn bản.

Thật vậy, sau khi củng cố quyền hành, Ông Diệm phát động phong trào diệt Cộng, đàn áp cực đoan các tôn giáo Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên, các đảng phái đối lập gây xáo trộn trong hàng ngũ chống Cộng. Chính quyền không phân biệt phân tử Quốc Gia Kháng chiến khi xưa (với phân tử Cộng Sản chính cống), lại theo đuổi khủng bố những người này nên họ đành phải theo Cộng Sản.

Ông Diệm còn ban hành luật số 10/59 ngày 6.5.1959) thiết lập tòa án Quân Sự Đặc Biệt trừng phạt sự phá hoại xúc phạm an ninh Quốc Gia... bằng tội tử hình mà không có thượng tố (trái nguyên tắc lương cấp tài phán).

Hơn nữa, chính sách Cải Cách Điền Địa ban hành trong các Dụ số 2, số 5, số 28 và số 57 (22.10.56) cải thiện qui chế tá điền, tái phân ruộng đất cũng không tăng gia lợi tức cho tá điền là bao. Chính sách này là hy vọng lớn nhất của Ông Diệm vì thực chất của vấn đề xã hội Đông Nam Á (có Việt Nam) là nông dân, lực lượng sản xuất chính yếu của Quốc Gia Nông Nghiệp. Các kế hoạch Dinh Điền (1957), rồi Khu Trù Mật 1960 cũng không làm phát triển kinh tế nông thôn. Trong khi đó ở đô thị, một thiểu số được ưu đãi sống trên nhung lụa khiến cho hố chia rẽ giữa thị thành và thôn quê càng sâu xa. Chính sự bất công mâu thuẫn của xã hội làm những kẻ hờ mà Cộng sản khai thác xâm nhập vào nông thôn mở đầu cho cuộc chiến tranh hiện tại.

3. - Tham vọng của Cộng Sản miền Bắc. -

Đối với Cộng Sản miền Bắc, việc ký kết Hiệp Định Genève chỉ là một sự nhượng bộ chiến thuật đúng như 1 ở 1

tuyên bố của Lênine từ 1920 : " Hiệp Định Hòa Bình ký kết với nhà tư bản là một sự tiếp tục của chiến tranh". Cộng sản - không lúc nào từ bỏ tham vọng thống trị toàn bán đảo Đông Dương để mọi người chấp nhận " vai trò cứu thế của mình".

Do đó sau khi ký kết Hiệp Định Genève, Cộng Sản vẫn gài lại ở miền Nam một số đông cán bộ, chôn dấu vũ khí, chiếm giữ các mật khu mà họ kiểm soát từ 1945-1946.

Vì thế đứng trước sự tuyệt vọng về Tổng tuyển cử , sự can thiệp của người Mỹ vào Việt Nam, nhất là những sai lầm của Miền Nam (diễn hình là cuộc đảo chánh hụt ngày 11. 11. 60) Cộng Sản miền Bắc theo quyết định mùa thu 1960 của Đảng Lao Động, chính thức cho ra đời ngày 20. 12. 1960 Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam.

II. - BẢN CHẤT CUỘC CHIẾN TRANH NÔNG THÔN. -

1. - Là một cuộc chiến tranh ý thức hệ. -

Với chiều bài giải phóng, thống nhất hai miền Bắc, cuộc xâm lăng của Cộng Sản có tính cách chủ nghĩa. Điểm chính yếu là sự xâm lược bằng chính trị, với vũ khí chính yếu là ý thức hệ, đối tượng là chinh phục nhân tâm, nhất là nhân tâm nông thôn của ngõ xâm nhập dễ dàng nhất. Bất cứ nơi nào còn nghèo đói, bất công, tham nhũng nơi đó còn là môi trường thuận tiện cho chủ nghĩa Cộng Sản xuất hiện như một biện chứng giải thoát. Cộng Sản triệt để khuấy động cuộc chiến tranh khuynh đảo tư trong lòng nội bộ miền Nam, chống lại một xã hội miền Nam lúc đó như con bệnh nặng nề thân thể "tiên thiên bất tức" vì thực dân phong kiến. Vì thế Mặt trận Giải Phóng miền Nam đã có dùng người Miền Nam (ví dụ Luật sư Nguyễn hữu Thọ, chủ tịch Mặt Trận là người bất mãn với chế độ Ông Diệm vì bị cầm tù trong Phong trào Hòa Bình 1954), dùng tổ chức nhân dân (như Liên Hiệp Nông Dân Giải Phóng, Phụ nữ Giải Phóng v.v...) để cổ nói lên tánh cách "nội chiến huynh đệ tương tàn" của cuộc chiến tranh do họ phát động. Cộng Sản đã phát động cuộc chiến tranh du kích ngay từ 1957 ở nông thôn. Còn việc thành lập Mặt Trận 1960 chỉ là sự hợp thức hóa và đẩy mạnh cuộc chiến theo tiêu chuẩn "chiến tranh Nhân Dân" của Mao Trạch Đông căn cứ trên địa bàn nông thôn mà Cộng Sản đã chiếm giữ và tổ chức cơ sở du kích chu đáo.

Chủ thuyết chiến tranh Nhân Dân của họ Mao đặt căn bản trên những nguyên tắc chiến lược như :

- Phải đứng trên lập trường Mác-Xít, trên triết lý Duy Vật Biện chứng pháp để tin tưởng rằng : "một nước chỉ có thể chiếm đoạt bằng cách làm phát hiện những mâu thuẫn và xung đột nội bộ".

- Phải đồng nhất hóa chiến tranh và chính trị, xóa bỏ biên cương giữa hòa bình và chiến tranh : "chiến tranh chỉ là một thứ chính trị đổ máu. Hòa bình chỉ là thời kỳ chuẩn bị chiến tranh".

- Bí quyết của chiến thắng là động viên chính trị để thống nhất ý chí toàn dân, để lãnh đạo quân sự và quan hệ hơn số lượng vũ khí.

- Địa bàn chính yếu là thực hiện một cuộc cách mạng nông thôn. Chỉ ở nông thôn mới là chất men để làm bột phát lòng căm thù giai cấp với tổ chức chính quyền lỏng lẻo, an ninh yếu ớt. Phải cách mạng nông thôn rồi mới dùng nông thôn bao vây chiếm thành thị.

- Du kích chiến, chỉ là một bộ phận giai đoạn, một khía cạnh của chiến tranh cách mạng. Bản thân của du kích không quyết định được sự thắng bại mà phải áp dụng tùy điều kiện chiến trường.

Về chiến thuật, Mao đưa ra các nguyên tắc như : lựa chọn mục tiêu kỹ để đánh chắc, bao vây chia cắt địch, lợi dụng yếu tố bất ngờ nguy trá để lừa địch và linh hoạt theo chiến trường.

2. - Phôi thai cho một cuộc chiến có kích thước quốc tế.

Lúc bắt đầu thay thế người Pháp, Hoa Kỳ đã gửi nhiều phái bộ cố vấn chuyên viên giúp Việt Nam về xã hội và kinh tế. Người Mỹ theo chủ thuyết Domino muốn dùng Việt Nam như một tiền đồn ngăn chặn Cộng Sản bành trướng ở Đông Nam Á . Nếu Việt Nam bị Cộng Sản hóa thì sớm muộn gì Ai Lao, Cao Miên, Thái Lan, Ấn Độ, Tích Lan... rồi Trung Đông Phi Châu sẽ lần lượt rơi vào tay Trung Cộng. Uy tín danh dự Hoa - Kỳ không những tiêu tan ở Á Châu mà còn ở Phi Châu, Âu Châu và Nam Mỹ.

Trong khi đó Trung Cộng muốn sử dụng miền Nam như một thí điểm cho chiến thuyết cách mạng với ý đồ nhuộm đỏ Đông Nam Á, tranh giành ảnh hưởng lãnh đạo Cộng Sản với Nga Sô. Nga Sô, sau cái chết của Staline 1953 đã bộc lộ thái độ hòa hoãn sống chung với Hoa Kỳ. Nhưng cả hai đều trợ giúp cán bộ, vũ khí cho Cộng Sản miền Bắc để thôn tính miền Nam bằng chiêu bài Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

III.- NHỮNG ĐÁP SỐ CHO BÀI TOÁN NÔNG THÔN TỪ THỜI ĐỆ I CÔNG HÒA ĐẾN NĂM 1969.-

Đầu năm 1959, quân số Việt Cộng hoạt động ở miền Nam lên đến 40.000 du kích, 10.000 địa phương, 3579 chính quy xâm nhập qua ngõ miền duyên hải, Ai Lao, đường mòn Hồ Chí Minh. Xã hội miền Nam thì phân hóa trầm trọng. Chính quyền lo củng cố thương tầng không chú trọng đúng mức nông thôn. Quân Đội suy yếu vì một số Sĩ quan hạ sĩ quan ưu tú thiện chiến bị giải ngũ (diễn hình là trận Trảng Súp Tây Ninh, Cộng Sản cướp một số súng đủ trang bị cho cả một tiểu đoàn).

Nhận thức thêm trạng đó, một kế hoạch Ấp chiến Lược được ban hành từ 1960 một cách không chính thức sau một năm thử thách, sửa chữa tại vài thí điểm, trong diễn văn ngày 26.10.61 Tổng Thống Ngô Đình Diệm nâng kế hoạch Ấp Chiến Lược lên hàng Quốc Sách để giải quyết toàn bộ nông thôn.

A.- ĐỆ I CÔNG HÒA : QUỐC SÁCH ẤP CHIẾN LƯỢC.-

1.- Mục đích thành lập.-

Thoát thai từ kinh nghiệm chống Cộng ở Mã Lai Á mà giải pháp quân sự thuần túy lúc đầu đã thất bại, Quốc sách ACL được đặt trên cấp bậc cao nhất của Quốc Gia nhằm thực hiện :

a.- Cuộc Cách mạng quân sự (tiêu diệt giặc Cộng Sản).

ACL là một đòn bẩy trong đó người dân sinh sống và được bảo vệ tài sản sinh mạng. ACL là một điểm tựa để Quân Đội rảnh tay lòng diệt địch mà không bận bịu vì gánh nặng xã ấp. ACL theo đó là một hạ tầng cơ sở du kích của ta nhằm cắt đứt liên lạc giữa nhân dân và địch bằng tổ chức huấn luyện nhân dân chiến đấu.

b.- Cuộc cách mạng chính trị (tiêu diệt giặc chia rẽ)

ACL thực hiện kế hoạch "tắt nước bắt cá" cụ thể hóa bằng sự thiết lập nền dân chủ pháp trị ở nông thôn (bầu ban Trị Sự Ấp và Hội Đồng Nhân Dân).

c.- Cuộc cách mạng kinh tế xã hội văn hóa (tiêu diệt giặc chậm tiến).-

ACL nhằm mục đích hữu sản hóa dân chúng tiến đến tự túc, phát triển cuộc kỹ nghệ hóa từ nông thôn đến thành thị. ACL còn đặt lại thang giá trị mới căn cứ vào công lao thành quả để tiến tới cộng đồng đồng tiến, công bằng xã hội.

2.- Nhận xét.-

a.- Ưu điểm.-

- Từ ngày có giặc Cộng Sản, kế hoạch ACL là kế hoạch công phu nhất, được soạn thảo tỉ mỉ, sửa chữa học tập rồi mới thi hành. Nó còn là đúc kết kinh nghiệm xương máu của Mã Lai Á.

- Quốc sách ACL còn phối hợp hoạt động của các Bộ khác (Bộ Nội Vụ, Quốc Phòng, Cải Tiến Nông Thôn, Giáo Dục.) để dốc toàn lực yểm trợ, thống nhất sách lược (Sắc lệnh số 11/TTP ngày 3.2.62 thành lập Ủy Ban Liên Bộ Đặc Trách Áp Chiến Lược để điều động quốc sách).

- Nhận định được vai trò độc tôn của quần chúng và yếu tố nhân dân trong cuộc chiến tranh.

b.- Khuyết điểm.-

- ACL khai sanh quá trẻ (thay vì nên đặt ra từ 1954) nên nông thôn gần bị Cộng Sản làm chủ rồi).

- Kế hoạch đặt trên triết thuyết cao xa (Cộng Hòa - Nhân Vị, Tam giác tam túc v.v...) và được coi là dựa trên đức cứu vãn chế độ. Vì thế tài liệu soạn thảo vượt khả năng hiểu biết của người dân và cán bộ thi hành. Đồng thời chỉ thị của Trung Ương quá cứng rắn làm tiêu tan sáng kiến của mọi tầng lớp.

- Áp dụng máy móc kinh nghiệm Mã Lai Á với kế hoạch của Templer. Ở Mã Lai chánh quyền xây dựng trang bị xóm làng

đầy đủ rồi mới qui dân về, rồi sẽ phá hủy sau. Ở Việt - Nam thì ngược lại nên gặp sự chống đối của người dân. Và lại ở Việt Nam Cộng Sản có vùng an toàn (Zones refuges) để xuất phát bồi dưỡng như vùng biên giới Ai Lao, Cao Miên.

- Chính sách nhân sự lại đề "việc đi theo người". Chánh quyền cần người đặc lực hơn là khả năng và sáng kiến. Quận Trưởng quá nhiều quyền hạn, bắt dân đóng góp quá mức.

- Quan niệm sai lầm của người Mỹ vẫn còn tin tưởng ở sức mạnh vô địch của vũ khí. Do đó kế hoạch ACL vẫn mang nặng tính cách một giải pháp quân sự hơn là chánh trị.

B. - CHƯƠNG TRÌNH ẤP TÂN SINH TỪ CÁCH MẠNG 1.11.63 ĐẾN 31.12.65. -

Sự thất bại của Quốc sách ACL, cùng với biến cố Phật Giáo 1963 đã làm sụp đổ cả một chế độ bằng cuộc cách - mạng 1.11.63. Kế đó là cả một khoảng trống định chế pháp lý. Xã hội vốn rối loạn lại càng rối loạn cực độ thêm. Gần hai tháng sau cách mạng một chương trình Ấp Tân Sinh được thực hiện qua nhiều chánh phủ.

1. - Tiêu chuẩn thành lập Ấp Tân Sinh. -

Sự biến đổi danh từ ACL qua ATS là một hình thức để xóa bỏ trong lòng dân những bất mãn đối với chế độ cũ và cho phù hợp với sắc thái cách mạng là đổi mới. 6 tiêu chuẩn của Ấp Chiến Lược vẫn được duy trì qua 6 tiêu chuẩn của Ấp Tân Sinh.

a. - Kiểm tra và phân loại dân chúng trong Ấp, tìm và tiêu diệt hạ tầng cơ sở Việt Cộng đã khám phá được.

b. - Đã tuyển lựa đủ số lực lượng bán quân sự cần thiết cho ấp và xã và đã tổ chức huấn luyện trang bị cho các lực lượng này để hoàn tất nhiệm vụ giao phó.

c. - Đã thiết lập hệ thống chướng ngại vật cùng công sự phòng thủ để lực lượng bán quân sự có điều kiện đánh dukích.

d. - Đã thiết lập hệ thống liên lạc truyền tin và xin tiếp viện.

e. - Dân chúng trong Ấp đã được tổ chức thành đoàn ngũ và được giao phó các công tác đặc biệt về bảo vệ an ninh Ấp và phát triển tân sinh hoạt.

f. - Ban Trị Sự Ấp được bầu cử hay chỉ định theo luật lệ hiện hành.

2. - Những tổ chức và nhiệm vụ của cơ quan quân trị. -

a. - Phủ Tổng Ủy Tân Sinh Nông Thôn. -

Thành lập do Nghị định số 347TTP/TSNT ngày 27.12.63
gồm :

- Trung Ương : Nha Tân sinh có nhiệm vụ liên lạc với các cơ quan phối hợp công tác để nghiên cứu đường lối xây dựng ATS, huấn luyện võ trang cán bộ quân chính. -

- Địa phương : Ty Tân Sinh cho Tỉnh và 4 Khu Tân Sinh cho 4 Vùng.

b. - Nha Tân Sinh Nông thôn. -

Nha này thành lập do Nghị Định số 604TTP/TSV ngày 23.3.64 của Trung Tướng Nguyễn Khánh, trực thuộc Phủ Thủ Tướng và là cơ quan chấp hành của Ủy Ban Bình Định trung ương do Thủ Tướng làm Chủ Tịch. Ủy Ban này có nhiệm vụ " ấn định chủ trương căn bản và đường lối cho mọi nỗ lực hoạt động tại nông thôn.

Tổ chức Nha này cũng tương tự có những nhiệm vụ như trên, nhưng thêm các vấn đề : phát triển kinh tế, chiêu hồi người thương, cứu trợ nạn nhân thiên tai, thiệt hại hoa màu ... của các Phòng Nghiên Cứu, chương trình và Nông thôn vụ.

Ngoài ra, thời Nguyễn Khánh còn có Phủ Phó Thủ Tướng Đặc Trách Bình Định (Sắc lệnh số 101 TTP ngày 17.2.64) phối hợp hoạt động các Bộ Nội Vụ, Quốc Phòng, Công chánh v.v.... đảm trách huấn luyện cán bộ dùng vào việc bình định, nghiên cứu biện pháp nâng cao đời sống đồng bào thiếu số v.v... Đặc biệt là đến ngày 9.4.64 còn có Nghị Định số 7279/BD thiết lập Ủy Ban Phát Triển Kinh Tế Nông Thôn nghiên cứu đề nghị phân phối tài nguyên cho các chương trình kinh tế nông thôn ngắn và trung hạn.

c. - Nha Bình Định. -

Nghị Định số 1560 BNV/NV/1 ngày 5.12.64 của Tổng Trưởng Nội Vụ cải tổ Bộ Nội Vụ có Nha Bình Định thuộc Nha

Tổng Thư Ký, đặc trách về nông thôn lo về chương trình Bình Định, thể thức phối hợp quân sự hành chánh kinh tế v.v...

d. - Tổng Nha Tái thiết Nông thôn. -

Sắc lệnh số 64TTP ngày 5.4.65 của Thủ Tướng Phan Huy Quát thành lập Hội Đồng tái thiết Nông Thôn Trung Ương có nhiệm vụ : " Ấn định chính sách cùng kế hoạch nhằm mục đích tái lập và bảo vệ an ninh trật tự để dân chúng an cư và phát triển sinh hoạt" do Thủ Tướng làm Chủ Tịch và Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Quân lực làm Tổng thư ký.

Giúp việc cho Tổng thư ký có Tổng Nha Tái Thiết Nông Thôn cũng làm các nhiệm vụ soạn thảo chương trình, hướng dẫn phối hợp, đôn đốc kiểm soát, phân phối phương tiện tài nguyên cho địa phương. Đặc biệt lần đầu tiên " thiết lập tại mỗi Tỉnh bên cạnh Ngân sách tỉnh một ngân sách phụ thuộc mệnh danh là Ngân sách Tái thiết Nông Thôn Tỉnh".

3. - Nhận xét. -

Dù được nâng lên hàng Tổng Nha, có ngân sách riêng, chương trình Ấp Tân Sinh vẫn có tính cách và viú, thăng trầm theo sự bất ổn của chính trị các chánh phủ thay nhau lên xuống, không sống quá 6 tháng nên mỗi người lãnh đạo một chính sách. Danh xưng cũng thay đổi luôn mà thực chất không có một chính sách nào mới và quy mô hơn Ấp chiến lược cũ.

Trong khi đó tại nông thôn có quá nhiều loại cán bộ Ấp tân sinh, hành chánh lưu động, biệt kích, biệt chính v.v.. Tính cách ô hợp đã không thỏa mãn đủ nhu cầu nông thôn đòi hỏi : cán bộ biệt chính có khả năng ở lại xã ấp nhưng không thể xây dựng vận động nhân dân v.v...

Thành thị đến thôn quê rối loạn cực độ Cộng Sản khai thác và xâm nhập với những trận đánh lớn Dakto, Đồng Xoài.. Ngày 8-6-1965 Hoa Kỳ phải tham chiến trực tiếp để cứu vãn tình thế và chấm dứt thời kỳ cố vấn. Vì thế tầm quan trọng của nông thôn được quan niệm lại như là giải pháp toàn bộ với sự thành hình của Bộ Xây Dựng Nông Thôn.

c. - CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN 1966. -

1. - Nhiệm vụ của Bộ Xây Dựng Nông Thôn (theo Sắc lệnh số 156 XDNT ngày 30.7.65 của Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp)

- Tập trung mọi nỗ lực Quốc Gia để phục hưng nông - thôn.
- Hoạch định chương trình giải phóng bình định nông thôn.
- Hoạch định mọi chương trình phát triển kinh tế xã hội để cải tiến đời sống nông dân với sự phối hợp của các Bộ liên hệ.
- Đào tạo các đoàn cán bộ Xây Dựng Nông Thôn và tổ chức thành hệ thống từ Trung Ương đến địa phương.
- Quản trị các ngân khoản được chấp thuận cho chương trình Xây Dựng Nông Thôn.

2.- Đường lối thực hiện. - (Sư Vụ Văn Thư số 3041/HDXDNT/ TƯ/XD ngày 11.11.1965).

a.- Các tiêu chuẩn tổng quát. -

- Văn tạm thời áp dụng 6 tiêu chuẩn Ấp Tân Sinh.
- Điều kiện thực hiện các tiêu chuẩn : tinh thần , khả năng kỹ thuật tinh vi của cán bộ.
- Kế hoạch tỉnh phải thực tế và bảo đảm thi - hành được 75%.

b.- Những chương trình. -

- Phần lập Ấp : 4 chương trình (Cán Bộ Xây Dựng Ấp Tân Sinh Định cư đồng bào Tự Nạn Cộng Sản - Khai quang ủi đất - Tự túc phát triển Ấp).
- Phần Phát Triển Đời Sống Mới : 10 chương trình - (Giáo dục - kiều lộ - Thủy nông - Múc sức - Nông vụ canh mục thương - Nghư nghiệp - chiêu hồi - chuyển vận - Lập nhà kho - cấp thủy).

3.- Nhận xét. -

a.- Ưu điểm. -

- Chính sách Xây Dựng Nông Thôn được quảng bá rộng rãi (bằng huấn thị, 5 khóa hội thảo cán bộ và 3 khóa quân - chính).

- Đoàn thể cán bộ được hợp nhất lại dưới danh nghĩa Cán Bộ Xây Dựng Nông Thôn, từ 17 tuổi tuyển chọn tại địa - phương và qua lớp huấn luyện gian khổ.

- Hệ thống điều hành chắc chẽ nhờ sự thiết lập Hội Đồng Xây Dựng Nông Thôn từ Trung Ương đến Quận, tăng cường 72 Sinh Viên Học Viện Quốc Gia Hành Chính cùng thủ tục tài chánh đơn giản, đoàn thanh tra hùng hậu tăng cường (50 Sĩ - quan, công chức, chuyên viên).

b. - Khuyết điểm. -

- Cán bộ vẫn thiếu vận động, dân chúng ít tham gia và địa phương đề nghị công tác vượt khả năng của Đoàn, khoản trắng cho đoàn nôn đoàn phải đốt giai đoạn tự thực hiện.

- Thiếu phối hợp ở địa phương, xảy ra va chạm giữa xã và cán bộ. Có nơi xây trường tại Ấp dư lớp học v.v...

- Thiếu nuôi dưỡng thành quả : cán bộ rời Ấp quá sớm dân chưa đủ khả năng tự quản trị nên Cộng Sản cấu kết với cường hào trở lại phá rối nông thôn.

- Tình trạng an ninh còn suy kém nên việc phát triển khó thành công. Hơn nữa quan niệm các dự án tự túc phát triển áp không được phát xuất từ nhân dân mà do chánh quyền điều nghiên quyết định cho dân.

D. - CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN NAM 1967 và 1968. -

Đến năm 1967 vì nhận thấy thiếu một cơ quan có thẩm quyền để phối hợp các Bộ và thiếu tư tưởng chỉ đạo nên Tổng Bộ Xây Dựng được thành hình qua Nghị Định số 105 XD/HĐ ngày 31.12.1966. Việc nâng thành Tổng Bộ còn do nguyên nhân Cộng Sản xâm nhập một ngày một qui mô và do quyết định Việt Mỹ tại Hội Nghị Honolulu tháng 2.1966 và Hội nghị 7 nước tại Manila tháng 11.66 quyết định đặt nặng chính sách Xây Dựng Nông Thôn, thực hiện cách mạng xã hội.

Năm 1967 là năm chương trình Ấp Đời Mới qui mô.

1. - Đường lối thực hiện. - (SỰ VỤ Văn Thư Số 6371/HDXDNT TƯ/XD ngày 8.10.1966).

a. - 4 tư tưởng chỉ đạo. -

- Cán Bộ là cầu thông cảm giữa nhân dân và chánh quyền.

- Nhân Dân chủ động, cán bộ vận động, chánh quyền yểm trợ.

- Cán Bộ phải lấy chính sách của chính phủ và nguyện vọng của nhân dân làm phương châm hoạt động.

- Nhân dân nông thôn quyết vùng lên phá đời cũ tới tận xây đời mới. Đó là tiêu chuẩn thực hiện cuộc cách mạng xã hội. Muốn vậy phải hoàn tất 11 mục tiêu gồm 98 công tác.

- 1./ Tiêu diệt Cộng Sản năm vùng
- 2./ Tán diệt cường hào ác bá, cường quyền tham nhũng
- 3./ Xoá bỏ hận thù, xây dựng một tinh thần mới.
- 4./ Tổ chức cơ sở dân chủ nhân dân và hành chính.
- 5./ Tổ chức nhân dân đấu tranh chống Việt Cộng
- 6./ Thanh toán nạn mù chữ.
- 7./ Tán công bệnh tật.
- 8./ Cải cách ruộng đất
- 9./ Phát triển nông nghiệp và tiểu công nghệ
- 10./ Phát triển hệ thống giao liên.
- 11./ Đại ngộ xứng đáng các chiến sĩ.

b. - 7 điểm kỹ thuật. -

- 1./ Không phải bắt cứ Ấp Đời Cũ nào cũng xây thành Ấp Đời Mới.
- 2./ Công tác xây dựng Ấp Đời Mới chia ra 3 giai đoạn
 - Tạo thanh và che phủ
 - Bình Định
 - Xây Dựng và nuôi dưỡng.
- 3./ Tiến chậm, giữ chắc, phát triển theo vết d à u loang và thế liên hoàn, đã đảo bệnh hình thức.
- 4./ Ai yem trợ xây dựng thì yem trợ nuôi dưỡng.
- 5./ Dân làm, cán giúp, quân giữ.
- 6./ Dân hết, chính thêm, đã đảo chủ nghĩa ăn xin , phát chán.
- 7./ Cán Bộ Xây Dựng Nông Thôn ở đâu phát triển ưu tiên tại đó.

c. - Cáo chương trình. -

- Lập Ấp
- Cán Bộ
- Phát Triển Đời Sống Mới (tương tự 1966)
- Chuyển vận và nhà kho.

2.- Nhận xét.-

Ngoài ưu điểm hoạt động điều khiển chính sách có hệ thống chương trình 1967 cũng vẫn gặp phải những khuyết điểm cũ của 1966 : người cán bộ phải bao sấp, ty chuyên môn không tích cực v.v...

Đến chính sách 1968 (SỰ VỤ VĂN THƯ SỐ 6467/XD/1 NGÀY 1.9.67) thì chỉ là sự tiếp nối thành quả và ưu điểm của 1967 theo một đường lối căn bản không đổi mà thôi. Nhưng chuakíp thì hành thì biến cố Tết Mậu Thân xảy ra từ 30.1.1968 cùng những cuộc tấn công vào đô thị đã làm ngưng trệ toàn bộ chương trình. Theo ước lượng của cơ quan MACCORDS Hoa Kỳ thì sau đó độ 1/3 áp đàng bình định bị xáo trộn.

B.- CHÍNH SÁCH " BÌNH ĐỊNH VÀ XÂY DỰNG " 1969.-

Đứng trước thảm trạng đó, chánh quyền hợp hiến miền Nam đã can đảm đặt lại toàn bộ vấn đề nông thôn trong bối cảnh giải quyết toàn diện cuộc chiến tranh Việt Nam theo một kế hoạch tuần tự.

Việc thi hành kế hoạch Bình Định và Xây Dựng 1969 (do huấn thị số 0275/PTT/TMBB/VP ngày 10.10.1968 của Tổng Thống VNCH) sẽ được chúng tôi trình bày chung trong 2 chương chính của chính sách " Bình Định và Phát Triển " 1970 theo dàn bài sau :

CHƯƠNG THỨ NHẤT.-

Phân tích chính sách " Bình Định và Phát Triển " 1970.

CHƯƠNG THỨ HAI.-

Phê bình chính sách " Bình Định và Phát Triển " 1970.

Tiết 1. - Ưu điểm hay là những nét đặc thù

Tiết 2. - Khuyết điểm hay là viển tượng các trở ngại

Tiết 3. - Nhận xét và đề nghị.

CHƯƠNG THỨ HAI
**PHÂN-TÍCH CHÍNH-SÁCH BÌNH-ĐỊNH
VÀ PHÁT-TRIỂN 1970**

Với tính cách mật và toàn diện của một chính sách Quốc Gia, phần trình bày của chúng tôi về kế hoạch Bình định và Phát Triển hiện tại năm 1970 căn cứ trên huấn thị căn bản số 270 ngày 1.9.1969 của Tổng Thống VNCH cùng

Tài liệu huấn luyện viên chức xã ấp của Trung - Tâm Huấn Luyện Cán Bộ Quốc Gia Vũng Tàu và tài liệu hội thảo - khóa 4/70 của công chức quân nhân.

* T IẾT I *
* NHỮNG NÉT ĐẠI CƯƠNG *

Sau biến cố Tết Mậu Thân và những cuộc tấn công vào đô thị trên toàn quốc tháng 5.1968, chánh phủ đã hoạch định lại chương trình phát triển nông thôn tuân tự cho kế hoạch mỗi năm như sau :

Theo huấn thị của Tổng Thống VNCH một chiến dịch - mệnh danh là "chiến dịch tấn công Bình Định đặc biệt" sẽ được phát động từ ngày 1.11.1968 và chấm dứt ngày 31.1.69 với mục đích nhằm dành lại thế chủ động nông thôn trong tay địch và kèm hãm chúng trong một thế trận hỗn hợp liên hoàn quân sự và chánh trị. Chiến dịch sẽ mở rộng việc kiểm soát của chánh quyền tới tận nông thôn hẻo lánh, tạo một nền tảng căn bản thuận lợi để có thể đẩy lui địch vĩnh viễn ra khỏi địa bàn nông thôn trong năm 1969. Nhiệm vụ chánh yếu của chánh quyền lúc đó là thực hiện một sự giải phóng mau lẹ dân chúng thoát khỏi vòng cương bích và kiểm soát của Cộng Sản.

Đến năm 1969, chủ điểm của chính sách nông thôn là kế hoạch "Bình Định và Xây Dựng" phát động để nối tiếp và bành trướng đà thắng lợi về quân sự của "chiến dịch tấn công Bình Định Đặc Biệt". Qua kinh nghiệm của những chương trình trước, từ 1969 yếu tố nhân dân sẽ đóng vai trò trọng yếu vào mọi công tác. Đồng thời xã sẽ là mục tiêu Bình Định (thay vì Ấp như tất cả các chính sách đã qua), là cộng đồng cội rễ của nhân dân để có thể tận dụng tài nguyên hầu cùng cố xây dựng một nền tảng vững mạnh cho chính quyền địa phương. Ngay chủ đề "Bình Định và Xây Dựng" đủ nói lên tính cách quan trọng nặng về khía cạnh quân sự. Những xã được lựa chọn làm mục tiêu Bình Định căn cứ trên những vùng có vị trí trọng về địa dư theo 4 tiêu chuẩn :

- 1.- Mật độ dân số
- 2.- Vùng kế cận trục giao thông quan trọng
- 3.- Vùng kế cận trung tâm chính trị quan trọng
- 4.- Vùng kế cận cơ sở kinh tế.

Qui luật chung để Bình Định và Xây Dựng là tiến từ vùng ta kiểm soát lần lần loại địch trong những vùng kết tiếp để những vùng này có thể yểm trợ lẫn nhau. Các Quận khu sẽ mở hành quân qui mô quét địch khỏi vùng được lựa chọn Bình Định, các Tiểu Khu sử dụng lực lượng cơ hữu tăng phái duy trì cùng cố những nơi đã được bình định để khỏi lọt vào tay kiểm soát của địch một lần nữa.

Xã được chọn làm mục tiêu bình định là một chuyển hướng quan trọng của kế hoạch 1969 nhằm phục hồi uy quyền - cho xã để thực thi dân chủ ở hạ tầng cơ sở đồng thời bắt đầu chương trình tự túc Phát triển xã để đi đến tự lực, tự túc và tự cường. Những cứu cánh đó được thể hiện qua các tiêu chuẩn chỉ đạo sau :

- a.- một nguyên tắc : tinh thần cộng đồng hợp tác
- b.- Tám mục tiêu.

- 1.- Đem lại an ninh cho 90% dân chúng vào cuối năm 1969 và hành sử chủ quyền Quốc Gia trên toàn lãnh thổ.

- 2.- Loại 33.000 Việt Cộng ở hạ tầng cơ sở vào cuối năm 1969.

- 3.- Tổ chức thêm cho đủ 2.000.000 đoàn viên Nhân dân Tự Vệ và trang bị 400.000 vũ khí.

4.- Thiết lập chính quyền địa phương trong tất cả các xã toàn quốc.

5.- Chiêu Hồi 20.000 người hồi chánh

6.- Giảm số người tỵ nạn xuống dưới 1.000.000 và định cư hay tổ chức hồi cư 300.000 người.

7.- Tăng gia nỗ lực thông tin tuyên truyền.

8.- Khuyến khích nền kinh tế ở nông thôn.

Trong năm 1970, khai thác đã thắng lợi mạnh mẽ của kế hoạch Bình Định và Xây Dựng 1969 (bình trường sâu rộng phạm vi kiểm soát lãnh thổ mang lại an ninh cho 90% dân số chung toàn quốc, đặc biệt là 50% sống trong tình trạng an ninh hoàn toàn của các ấp A, B) nên chính phủ đã lựa chọn chủ đề cho hiện tại là kế hoạch "Bình Định" và "Phát triển" Kế hoạch này là một sự tiếp nối và bổ túc cho kế hoạch 1969 nhưng chú trọng về phạm đề thời vào dân chúng nông thôn, thành thị một luồng sinh lực mới mẽ trong sự an ninh tối hậu xây dựng và phát triển một xã hội đầy tự do thịnh vượng.

Như năm 1969, yếu tố nhân dân và đấu tranh chính trị là công tác hàng đầu và thiết yếu của các tầng lớp Quân Cán Chính. Vấn đề là phải làm sao động viên dân chúng đem mọi người ý thức được sứ mạng, trách nhiệm của riêng mình để chống kẻ thù chung Cộng Sản và làm hậu thuẫn vững chắc cho chính quyền. Vì thế cứu cánh của kế hoạch 1970 cũng là cứu cánh của kế hoạch 1969 nhưng được phát huy rộng rãi về vấn đề phát triển như ngay trong tiêu đề. Do đó để hoàn tất sự thất bại của địch và để miền Nam xây dựng một Quốc Gia tự do thịnh vượng an ninh tiếp tục phối hợp mỗi thành phần Quốc Gia theo chỉ hướng của một quan niệm căn bản như sau.

* T I Ê T I I *
*
* Q U A N N I Ê M C A N B Á N *
*

ĐOẠN I. - NAM TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO. -

1. - Bình Định và Phát triển phải kết hợp làm một. -

Không giống như kế hoạch 1969 đặt nặng ưu tiên cho vấn đề Bình Định hay nhẹ phần xây dựng, kế hoạch Bình Định

và Phát triển 1970 cũng không thể chỉ chuyên chú về Bình Định mà quên phát triển hay ngược lại. Chương trình Bình định và phát triển phải thực hiện song hành tại các Đô thị, tỉnh lỵ, Quận lỵ, tới các khu phố phường của Thị xã và Đô thành, không có công tác nào chánh công tác nào gọi là phụ.

2.- Trong tâm của kế hoạch là xã, ấp là đơn vị thực hiện.

Xã là cộng đồng truyền thống và là đơn vị căn bản chánh quyền của ta ở hạ tầng cơ sở có đủ quyền tự trị. Xã là cơ quan dân cử với tài nguyên riêng ngân sách riêng. Xã sẽ được cải tiến trong nhiệm vụ nối liền giữa chánh phủ và nhân dân. Do đó trách nhiệm và quyền hạn của chánh quyền dân cử xã sẽ được nới rộng tăng gia để có thể đáp ứng nhu cầu cần thiết cho dân chúng địa phương.

- Xã trưởng có nhiều quyền hành về tài chánh, quản trị, sử dụng trong việc điều khiển công tác Bình Định và phát triển.

- Ủy ban Hành Chánh xã và Hội Đồng xã sẽ được tự trị tăng thêm quyền hành trong việc thiết lập thi hành ngân sách xã và nhất là việc điều động Nghĩa quân, Cảnh Sát Quốc Gia và Cán Bộ Phát Triển Nông Thôn. Từ năm 1969 các đoàn cán bộ Xây Dựng Nông Thôn tổ chức lại thành toán 30 người (thay vì 59 như những năm 1968 trở về trước) sẽ hoạt động toàn toàn hay một phần toán dưới sự kiểm soát và điều động của xã trưởng.

Việc tăng cường và phát triển xã là ưu tiên hàng đầu của kế hoạch 1970 cốt để phục hồi vị trí căn bản Hành chánh thôn quê để có thể chuyển đạt nguyện vọng và đáp ứng nhu cầu căn bản của dân chúng.

3.- Bình Định và Phát Triển là công trình liên tục lâu dài.

Giai đoạn Bình Định của 1969 là giai đoạn chuyển tiếp thì xây dựng và phát triển là một công cuộc trường kỳ liên tục. Điểm cốt yếu là phải giải quyết những nhu cầu căn bản cấp bách nhất, còn công tác dài hạn sẽ tuân tự thực hiện sau. Vì thế chủ yếu của năm 1970 là phát triển và sẽ thực hiện đều hòa.

4.- Nguyên tắc chính yếu : tinh thần cộng đồng hợp tác.

Công cuộc Bình Định và Phát Triển gồm nhiều yếu tố thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan riêng biệt có tính cách liên tục lâu dài của Quốc gia, do đó cần có sự kết hợp của các cơ quan chính phủ và của toàn dân. Những nỗ lực công tác chung này đặt trên căn bản duy nhất là tinh thần cộng đồng hợp tác hầu thực thi kế hoạch, đạt được kết quả tối đa.

5.- Mọi chương trình công tác phải thực tế.

Những dự án đề ra phải do nhu cầu công ích thúc đẩy đi sát với sự hiểu biết và khả năng thực hiện của đại chúng. Công tác phải lập thành chương trình do chính đại diện nhân dân vạch định không thể ngoài tầm tay dân chúng. Các chương trình cũng không được đặt nặng về vật chất mà còn cần nhấn mạnh đến khía cạnh tâm lý, tinh thần qua những sinh hoạt chánh trị tập thể phù hợp với đường lối dân chủ của cộng đồng Quốc gia.

Ngoài 5 tư tưởng chỉ đạo, kế hoạch Bình Định và phát triển 1970 còn dựa vào 5 kỹ thuật công tác trong kế hoạch Bình Định và Xây Dựng 1969 nhưng được mở rộng hơn.

ĐOẠN II.- NAM KỸ THUẬT CÔNG TÁC.-

1.- Mục tiêu Bình Định và Phát Triển là vùng trọng yếu địa dư trước đây nhưng nâng cao về phẩm chất.-

Các xã ấp đã được Bình Định Xây dựng trong năm 1969 theo các tiêu chuẩn : "mật độ dân số cao, kế cận các trung tâm chính trị quan trọng, kế cận các cơ sở kinh tế quan trọng" phải được liên tục cải tiến theo tiêu chuẩn quyết định sau.

- An ninh hữu hiệu
- Hành chánh hữu hiệu
- Trật tự và luật pháp hữu hiệu.

Trong năm 1970 không những đặt nặng vấn đề an ninh nông thôn như kế hoạch 1969 mà còn nhắm đến các vùng thị tứ các vùng ven đô thị, nghĩa là kế hoạch Bình Định và phát triển 1970 đặt trọng tâm cải tiến và phát triển đồng đều không phân biệt nông thôn hay thành thị.

2.- Chủ trương củng cố mức lực lượng Nhân Dân trên phương diện đấu tranh chính trị và tự lực phát triển.-

Trước những thất bại liên tục của Cộng Sản về mặt quân sự và trước sự bành trướng lớn mạnh của quân lực VNCH (hiện đang thay thế dần nhiệm vụ của quân đội đồng minh) , Cộng Sản đang cố gắng bằng mọi cách tuyên truyền để phỉnh gạt dư luận quốc nội quốc ngoại và dùng sự khủng bố lên lút đưa ra các tổ chức nhân dân để lập ngôn là chúng có kiểm soát dân chúng, có hạ tầng cơ sở bành trướng chính trị vững mạnh ở miền Nam. Tuy nhiên kinh nghiệm của hơn 20 năm chiến tranh, dân chúng đã thức tỉnh về bộ mặt thật của Cộng Sản, nhất là sau biến cố Tết Mậu Thân. Do đó chúng ta nên khai thác tình trạng tâm lý này và đặt khía cạnh "động viên chính trị quần chúng", gọi lên "ý thức tự vệ" chống Cộng Sản chống khủng bố đồng thời tham gia tích cực công tác phát triển từ tận cùng xã ấp đến ngay cả tại đô thị nữa.

Dân chúng phải được giúp đỡ có đầy đủ cơ hội đồng đều sinh hoạt dân chủ, nói lên nguyện vọng nhu cầu của mình cũng như phải được giúp đỡ tận tình trong việc thực hiện những lợi ích công cộng qua các chương trình tự túc phát triển tại địa phương.

3.- Dân ở đâu lập ấp ở đó, chứ không di dân lập ấp.-

Chủ trương của chánh phủ chẳng những tăng thêm dân số trong vùng an ninh mà còn mở rộng lãnh thổ kiểm soát. Do đó ở đâu có dân chúng ở, ở đó phải lập ấp và có sinh hoạt - chứ không di dân đến vùng an ninh để lập ấp.

Trong kế hoạch 1970, nỗ lực Bình Định và phát triển cũng ấn định theo 3 ưu tiên (nhưng khác với năm 1969).

- Ưu tiên 1. -

Kế hoạch 1970, dành ưu tiên 1 cho việc nâng các ấp C lên A hay B để đạt mục tiêu ấn định là bảo đảm an ninh - hữu hiệu cho 90% dân chúng vào ấp A và B (kế hoạch 1969 thì dành cho việc văn hồi an ninh ở ấp D, E còn lại sau chiến dịch tấn công bình định đặc biệt).

2. Ưu tiên 2.

Kế hoạch 70 dành cho việc củng cố các ấp C còn lại để khôi tuột xuống D (năm 69 dành cho ấp loại V là ấp chịu sự kiểm soát của Cộng Sản).

3. Ưu tiên 3.

Kế hoạch 70 dành để nâng các ấp D, E, V còn lại lên C trong khi năm 69 dành cho các ấp tương đối an ninh B và C.

4. Dân làm, chính phủ giúp, cán bộ hướng dẫn.

Người dân chủ động thực hiện công tác hữu ích cho họ với sự phụ giúp của chính quyền về ngân khoản, vật liệu và cán bộ hướng dẫn về kỹ thuật. Cán bộ các ngành sẽ hoạt động thường trực tùy nhiệm vụ tương ứng tại các xã ấp hay tại phường khóm, tùy theo qui chế cán bộ đã được các Bộ liên hệ ấn định sẵn.

Mỗi cán bộ, ngoài phần vụ chuyên môn, còn là một cán bộ dân ý và là một cán bộ tuyên vận. Vai trò chính trị của cán bộ là đặc điểm chính của kế hoạch 1970 sẽ khác nổi bật với nhiệm vụ giúp đỡ nhân dân tổ chức lại thành đoàn thể, hướng dẫn công tác chứ không còn vai trò quân sự hay bán quân sự như từ trước 1969 nữa.

5. Việc quản trị phải được tăng cường.

Để kế hoạch mang lại thành quả thiết thực, ở mọi cấp chương trình công tác phải được chia thành nhiều giai đoạn rõ ràng, thực hiện tuần tự. Hệ thống thanh tra, duyệt xét, báo cáo cũng như tổ chức của các cơ quan phụ trách phải được minh định hoàn bị. Việc quản trị, chỉ huy, phối hợp phải chặt chẽ. Một phương pháp lượng giá xã ấp, khả năng các đoàn cán bộ sẽ được áp dụng một cách khoa học để tránh bịnh hình thức, báo cáo sai sự thực.

Tuy nhiên 5 tư tưởng cải tạo và 5 kỹ thuật công tác trên chỉ là ngọn bái để làm phương tiện để thực hiện mục tiêu dựa trên một nguyên tắc chính yếu tổng quát của kế hoạch 1970.

ĐOẠN III. - MỘT NGUYÊN TẮC VÀ TÁM MỤC TIÊU. -

1. - Một nguyên tắc : cộng đồng hợp tác. -

Vì tính chất toàn diện của một kế hoạch Quốc - Gia liên tục, nên từ năm 1969, nguyên tắc cộng đồng hợp tác là nguyên tắc chỉ đạo đòi hỏi sự vận dụng mọi nỗ lực của mọi ngành mọi giới, mọi cơ quan từ trung ương đến địa phương. Nguyên tắc này thể hiện theo 3 chiều :

- a. - Giữa dân với dân
- b. - Giữa dân với chính quyền
- c. - Giữa cơ quan chính quyền với nhau.

Kế hoạch năm 1970 sẽ tiếp tục bành trướng thêm mối liên hệ điều hành tốt đẹp hơn nữa. Chúng ta phải tái nhấn mạnh mối liên lạc gắn liền người dân ở thành thị với đồng bào nông thôn xa xôi quân nhân với đồng bào yểm trợ họ và công dân với viên chức phục vụ họ. Năm 70 chúng ta phải chắc chắn rằng tất cả tổ chức của chính quyền sẽ yểm trợ nồng nhiệt lẫn nhau trong trách nhiệm phục vụ đồng bào, thể hiện được tinh thần cộng đồng hợp tác đó, miền Nam sẽ gạt hất thắng lợi trong công cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc, tái lập hòa bình thịnh vượng.

2. - Tám mục tiêu. -

a. - An ninh lãnh thổ. -

An ninh là điều kiện tiên quyết để bảo đảm cho mọi công cuộc phát triển chính trị, kinh tế, xã hội về sau. Vì thế phải kết hợp tối đa nỗ lực và hoạt động của các lực lượng võ trang Chủ lực, Địa phương quân, Nghĩa quân, Cảnh Sát Quốc Gia, Nhân Dân Tự Vệ để bảo vệ hữu hiệu an ninh 100% cho dân chúng trong các ấp A, B, C, trong đó tối thiểu 90% sống trong tình trạng an ninh hoàn toàn tại ấp A và B. Cảnh Sát Quốc Gia sẽ được bành trướng và tăng cường phẩm để giúp địa phương thực thi luật pháp, trật tự công cộng từ nông thôn đến thị thành.

Ngoài ra phải làm sao bảo đảm an ninh hoàn toàn ngày đêm trên các trục giao thông thủy bộ quan trọng. Các trạm

kiểm soát chỉ duy trì trong mức tối thiểu và thật cần thiết với mục đích ngăn chặn Cộng Sản tiếp dưỡng xâm nhập vũ khí vào thành thị. Giờ giới nghiêm sẽ tùy tình hình mỗi địa phương mà giảm hay hủy bỏ. Đồng thời phải làm giảm bớt 50% tối thiểu so với năm 1969 những cuộc tấn công, pháo kích - khủng bố phá hoại của địch trong vùng đang Bình Định và 75% trong vùng hoàn toàn an ninh (ấp A và B).

b.- Bảo vệ dân chúng chống khủng bố.-

Vấn đề là vô hiệu hóa Việt Cộng nằm vùng và bành trướng việc thực thi luật pháp. Muốn vậy tất cả lực lượng địa phương phải hợp tác chặt chẽ với dân chúng trong việc vô hiệu hóa hạ tầng cơ sở địch, gia tăng áp lực và tấn công bên nhọn vào hạ tầng cơ sở địch bằng sử dụng hữu hiệu các tổ chức Phương Hoàng ở các cấp. Kế hoạch Phương Hoàng thành lập do Sắc lệnh số 28a/TT/SL ngày 1.7.68 của Tổng Thống WGH nhằm mục đích tập trung phối hợp tất cả những nỗ lực của cơ quan tình báo quân sự và dân sự, nhằm thực hiện kế hoạch Quốc Gia tiêu diệt tổ chức hạ tầng cơ sở Việt Cộng. Do đó cần phải cải tiến chỉ đạo tổ chức và phương thức làm việc của các Ủy Ban Phương Hoàng, áp dụng một hệ thống tối tân lưu trữ, khai thác tài liệu để theo dõi cán bộ Cộng Sản.

Chính phủ còn tích cực cải tiến sự giam giữ, cải huấn các can phạm để luật pháp được áp dụng nhân đạo và công bằng cho nhân dân, tránh bất bố giam cầm bất hợp pháp.

c.- Nhân dân tự vệ.-

Đối với lực lượng cốt cán này, chánh quyền sẽ kiện toàn tổ chức, huấn luyện trang bị để gia tăng hiệu năng bảo vệ xã ấp, trực tiếp đảm nhận công tác giữ gìn xóm làng, nhận diện và tiêu diệt hạ tầng cơ sở Việt Cộng. Trọng tâm của mục tiêu là gia tăng phẩm chất lực lượng Nhân Dân Tự Vệ, chú trọng giáo dục chánh trị cho đoàn viên có một tinh thần Quốc Gia vững chắc hầu tích cực tham gia vào công tác cải tiến dân sinh, nhất là chương phát triển cộng đồng, tự túc phát triển địa phương và đấu tranh chánh trị.

Nhân dân tự vệ sẽ được tái huấn luyện và tăng cường trang bị, cấp phát vũ khí phải xúc tiến mạnh mẽ để khuyến -

khích hoàn thành nhiệm vụ. Riêng năm 1970, số đoàn viên phải tổ chức thêm cho đủ tối thiểu :

- 1.500.000 đoàn viên hạng chiến đấu.
- 1.500.000 đoàn viên hạng hỗ trợ (lão ông, lão bà, phụ nữ...)
- 100.000 vũ khí cá nhân.

d.- Hành chính địa phương.

Phải phát triển một nền hành chính địa phương có khả năng tự quản về mặt hành chính, kinh tế, tài chính phù hợp với chủ trương "dân làm dân hưởng".

- Hoàn tất bầu cử 100% Hội Đồng xã, ấp, thị xã, tỉnh Bộ sung đầy đủ các viên chức xã ấp, nhất là các cán bộ thông tin, cải cách điền địa và kỹ thuật.

- Hoàn tất việc huấn luyện các viên chức xã ấp trên phương diện chuyên môn và chiến tranh chính trị. Duyệt xét số nhân viên về phẩm và đưa đi huấn luyện để bổ túc các khuyết điểm.

- Cải tiến lề lối làm việc để phục vụ đúng mức người dân, tạo tinh thần cộng đồng hợp tác tại xã ấp. Dân chủ được tự do và được khuyến khích tham gia chọn các quyết định hành xử tại địa phương qua các buổi hội cộng đồng. Dân quyền điều lệ về bình đẳng giữa các công dân phải áp dụng đồng đều cho các sắc dân. Viên chức chánh quyền phải lưu tâm đến quyền lợi đồng bào thiểu số.

- Tổ chức nhân dân, công ty tư nhân và tổ chức khác không thuộc chánh quyền phải có dịp và phương tiện tham gia vào nỗ lực chung để cải tiến đời sống Quốc Gia về chính trị và kinh tế.

Đối với công tác phát triển hành chính địa phương, Tỉnh trưởng, Quận Trưởng, Xã trưởng chịu trách nhiệm vận động quần chúng sinh hoạt dân chủ. Đồng thời trách nhiệm của Phó Tỉnh Trưởng Hành Chánh cũng tăng gia trong lãnh vực giúp đỡ Hành chính địa phương hoạt động hữu hiệu, đặc biệt là chú trọng phát triển Tỉnh và xã ấp.

Mục tiêu chính của chính phủ là phát động mạnh mẽ, nhanh chóng ý thức tự cường của các tổ chức hành chính địa phương bằng việc thành lập các chương trình gia tăng hành - thu lợi tức xã, gia tăng quyền hạn xã về việc chi tiêu các lợi tức đó vào công cuộc phát triển xã.

e. - Đại đoàn kết dân tộc. -

Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh công tác chiêu hồi, kêu gọi 40.000 hồi chánh viên, chú trọng về phẩm tức là lôi cuốn các thành phần cán bộ cao cấp, trung cấp của địch trở về - Quốc gia giúp họ có đủ điều kiện để hòa mình vào đời sống bình thường của quốc gia dân tộc. Muốn thế, chương trình chính huấn 1970 phải hữu hiệu đầy đủ, các hoạt động thông tin, tâm lý chiến phải hỗ trợ cho chương trình Chiêu Hồi, các hồi chánh viên phải được cấp thẻ căn cước trong vòng 2 tháng kể từ khi đến Trung Tâm Chiêu Hồi...

Sự kêu gọi cán binh địch hồi chánh chỉ là bước nhỏ đầu, vấn đề là phải chú trọng huấn luyện, sử dụng đúng mức khả năng của họ và giúp họ sống cuộc đời như những công dân khác không chút mặc cảm nào.

f. - Cải thiện đời sống nạn nhân chiến cuộc. -

Nạn nhân chiến cuộc được định nghĩa là "những người đã rời bỏ xã ấp kém an ninh đến lánh cư tại xã ấp có an ninh để tránh mọi ảnh hưởng, áp lực hay khủng bố của Cộng Sản, hoặc là những người đã bị thiệt hại nhà cửa, tử thương, bị thương do hoạt động quân sự của Quân Đội Quốc Gia và Đồng minh hay hoạt động quân sự giữa ta và địch hay hoạt động - khủng bố của địch".

Chính vì tình hình an ninh sáng sủa nên cho phép ta đặt ra vấn đề nỗ lực cải thiện đời sống của các nạn nhân chiến cuộc, giúp đỡ những đồng bào không may mắn tái nhập hoàn toàn vào đời sống sáng sủa. Áp dụng những giải pháp cấp thời và hữu hiệu để khuyến khích dân tạm lánh cư về những vùng an ninh được đảm bảo hoàn toàn để họ tham gia phát triển nền kinh tế địa phương. Các trại tạm cư thiết lập trong 6 tháng phải được địa phương hóa, được xem như các ấp khác và được chương trình các Bộ giúp đỡ trọn vẹn.

Ngoài ra, một chương trình cứu trợ xã hội công bằng và hợp lý với các biện pháp đặc biệt nhằm phục hồi thương dân tàn phế và quân nhân bị thương cùng cô nhi quả phụ để số đồng bào này có thể tiếp tục đời sống bình thường hữu ích.

e. - Thông tin đại chúng. -

Thiết lập một hệ thống thông tin hữu hiệu do sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chính quyền và đoàn thể nhân dân. Cấp chỉ huy địa phương trực tiếp chỉ đạo chương trình thông tin. Cán Bộ Thông Tin phải được huấn luyện và bổ sung đầy đủ.

Công tác này nhằm mục đích :

- Động viên tinh thần quần chúng tham gia tích cực vào công tác Bình Định Phát Triển.

- Giáo dục chánh trị quần chúng để họ thông suốt đường lối chánh phủ, tin tưởng vào thể tất thắng của toàn dân toàn quân, ý thức được quyền lợi bốn phần công dân để dân chúng có thể dựa vào những phụ giúp của chánh quyền mà cải tiến đời sống mình, gia đình mình và của cộng đồng mình sống. Do đó nỗ lực của mục tiêu này là cốt nhằm vào 2 thành phần : Quân cán chính và dân chúng trong các ấp A, B, C.

Tất cả các Bộ, Tỉnh Thị Quận Xã Trưởng phải chịu trách nhiệm tổ chức những chiến dịch vận động dân chúng tham gia những chương trình chánh phủ thiết lập để phục vụ quần chúng.

h. - Thịnh vượng chung. -

Năm 1970 là năm tiếp tục phát huy khí thế đã đạt được qua các kế hoạch trước (1968 : tranh chấp về quân sự, 1969 bành trướng an ninh) hầu đẩy mạnh đạt thắng lợi chính trị và kinh tế. Hiện nay chúng ta đang sống một cuộc đời tươi đẹp hơn là nhờ công lao xương máu của quân cán chính các cấp bồi đắp qua bao năm trời. Toàn dân phải ý thức giá trị của sự hy sinh đó để không những tiếp tục bình định phát triển nông thôn mà còn phát triển cả đô thị, ven đô, các vùng thị tứ.

Năm 1970, dù vậy vẫn chưa thể hoàn thành tất cả mọi dự án phát triển, nhưng có thể thực hiện một số công tác ngắn hạn mở đường rõ ràng cho công tác dài hạn kích - thích quần chúng hưởng ứng mạnh mẽ mọi chương trình và quyết tâm tiến đến thịnh vượng chung.

Mục tiêu thịnh vượng chung nhằm mang lại đời sống tươi đẹp hơn cho tất cả mọi người phân định theo các chương trình sau.

1. - Chương trình trợ giúp đồng bào nông thôn. -

Chương trình này gồm các điểm thực thi chính yếu như :

- Quốc sách cải cách điền địa : nhằm mục đích tướu hóa nông dân bằng cách : tiếp tục cấp phát ruộng đất tướu hữu, thực thi chương trình " người cày có ruộng", kiến điền cho đồng bào Thượng v.v... để gia tăng diện tích canh tác , nâng cao mức sản xuất lúa gạo và hoa màu phụ.

- Phát triển Nông Ngư nghiệp : hướng dẫn kỹ thuật cho nông ngư dân để gia tăng hiệu năng sản xuất về lúa gạo chăn nuôi, ngư nghiệp.

- Khuếch trương dịch vụ Ngân Hàng Phát Triển Nông Nghiệp : sẽ thành lập 25 Ngân Hàng nông thôn vào cuối năm 70 tại các Quận, bành trưởng chương trình tín dụng nông thôn, giản dị hóa điều kiện cho vay v.v...

- Giúp đỡ nông dân khuếch trương các tổ hợp sản xuất cải tiến việc điều hành tổ chức để gia tăng số hội viên nông dân ngư phủ, Mục tiêu là trong 3 năm tới, mỗi Quận sẽ có một tổ chức nông dân, mỗi xã có một chi nhánh bán sản phẩm. Tổ chức nông dân cũng sẽ thực hiện chương trình điện hóa nông thôn.

- Cải thiện hệ thống phân phối, tiếp liệu và mậu dịch, loại bỏ các hạn chế kinh tế vô ích nhằm chuyển vận hàng hóa được dễ dàng.

2. - Chương trình phát huy tinh thần Cộng Đồng hợp tác của đồng bào đô thị. -

Năm 1970, thị tứ bắt đầu là đối tượng chính để phát triển vì thị tứ chiếm 40% dân số toàn quốc. Những khu đông dân sẽ được chú trọng đặc biệt để cải thiện lề lối sinh hoạt. Chương trình đô thị gồm :

- Thực hiện các chương trình phát triển, nhất là tại các khu vực nghèo nàn ở thành phố, thị xã, tương tự chương trình tự túc phát triển xã và do Bộ Phát Triển Nông Thôn đài thọ ngân khoản chịu trách nhiệm chành (sẽ đề cập ở phần hai Phó bình).

- Thiết lập các tổ chức cộng đồng, văn phòng đặc biệt để yểm trợ cho tư nhân, đoàn thể đô thị cải thiện đời sống như Hợp Tác Xã, Phòng Thương Mại, Hội phụ huynh học sinh v.v. để tiêu diệt tình trạng cô lập và tẻ nhạt trong đời sống đô thị.

- Cải thiện các dịch vụ cộng đồng, phát triển chương trình gia cư, xây nhà rẽ tiền, giữ giá sinh hoạt đô thị v.v.

3.- Chương trình cải thiện tình trạng xã hội trong các lãnh vực y tế, giáo dục và sinh hoạt cộng đồng.-

- Về y tế : Súc tiến việc chăm lo sức khỏe đồng bào, bà mẹ, trẻ con, phục hồi người tàn phế qua sự "sử dụng các cơ sở hôn hợp quân dân y" và thành lập "đoàn Y Tế Quốc Gia" để lưu động từng nhà.

- Về giáo dục :

Sẽ áp dụng một nền giáo dục đại chúng và thực dụng, bành trướng những trường tiểu học cộng đồng (tất cả Trường Tiểu Học sẽ cộng đồng hóa vào 1971 và cưỡng bách giáo dục bậc tiểu học), Trung học Tổng hợp (thêm phần chuyên môn và hướng nghiệp ; niên khóa 70-71 sẽ có thêm 100 trường v.v...) và giáo dục bình dân tráng niên từ nông thôn đến thành thị.

Chánh phủ đặt trọng tâm vào nền giáo dục kỹ thuật và chuyên nghiệp đồng thời giúp các em phát triển về mặt xã hội thành công dân tốt có tinh thần và thể xác lành mạnh.

- Về sinh hoạt cộng đồng :

Chính quyền sẽ giúp đỡ hướng dẫn và tài trợ bằng ngân khoản tự túc phát triển tỉnh hay xã các tổ hợp, hiệp hội tư hay đoàn thể thành lập trong năm 1970 một số trung tâm cộng-

đồng nông thôn hay thành thị để cung cấp dịch vụ cần thiết cho dân chúng địa phương. Ví dụ : Trung tâm giáo dục tráng niên Trung tâm Hội thảo, giải trí, họp mặt thanh niên...

Mục đích của Trung tâm cộng đồng là khuyến khích dân chúng trực tiếp tham gia công tác cộng đồng, phát triển quốc gia, phát triển mọi tài nguyên hiện hữu để đáp ứng nhu cầu dân chúng tự túc tối thiểu.

4.- Chương trình đặc biệt.

Năm 1970 một loại chương trình mới (ngoài các chương trình : canh sát quốc gia, cán bộ phát triển nông thôn, phát triển Sắc tộc v.v....) nhằm mở rộng nỗ lực phát triển chung, đó là chương trình tự túc Phát triển do Hội Đồng Đô, Tỉnh, Thị xã phụ trách.

Mục đích của chương trình này nhằm mở rộng cuộc đối thoại 2 chiều giữa dân chúng và các đại diện dân ở cấp Đô Tỉnh thị, tăng quyền hành và gây thêm uy tín cho các Hội Đồng này đối với dân chúng bằng cách được quyền quyết định các dự án phát triển do chính dân chúng đề ra thông qua các buổi Hội đồng. Nguyên tắc căn bản là các dự án này phải được dân chúng đề nghị và là các dự án ích lợi công cộng thực sự cần thiết, đáp ứng nguyện vọng của đa số nhân dân.

Chương trình này chỉ thi hành khi các Hội Đồng này đã được bầu cử*****

*
* T I E T III *
* S U T H I H Ì N H *

Năm 1968 có thể gọi là năm tranh chấp về quân sự, một năm nông thôn vùng dậy tự vệ. Năm 1969 binh trưởng vô mặt nình từ tận cùng nông thôn hẻo lánh để đến 1970 vẫn phải đẩy mạnh đã thắng lợi quân sự, mở rộng vùng kiểm soát toàn quốc đồng thời nỗ lực phát triển các lãnh vực chính trị, kinh tế và xã hội. Mục tiêu tối hậu cho hiện tại là mang lại sự an ninh cho toàn dân cùng tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người cải tiến đời sống thêm thịnh vượng phú cường.

Kế hoạch bình định và phát triển sẽ thực thi trong 3 giai đoạn rõ rệt :

1.- Giai đoạn 1 : Từ 1-1-70 đến 30-6-70

Dự trù và bắt đầu những công tác ưu tiên đã được chấp thuận trong tinh thần một nguyên tắc và 8 mục tiêu nêu trên.

2.- Giai đoạn 2 - Từ 1-7-1970 đến 31-10-1970

Đây là giai đoạn "Bình Định và Phát triển đặc biệt" nhằm 2 mục đích :

a.- Hoàn tất trong 4 tháng tất cả các công tác đã dự trù trong kế hoạch 1970 kể cả các chương trình tự túc Phát triển xã còn dang dở của năm 1969 và gồm những chủ điểm :

- Kiến toàn, củng cố an ninh hạ tầng cơ sở xã ấp.
- Phát động mạnh mẽ chương trình thông tin đại chúng cho hữu hiệu.

b.- Chuẩn bị các yếu tố tinh thần và vật chất cần thiết để giúp xã tiến tới tự túc kinh tế và tài chính trong tương lai. Mục đích này gồm những công tác sau :

- Điều nghiên
- Lập kế hoạch
- Lập chương trình.

3.- Giai đoạn 3 - Từ 1-11-1970 đến 31-12-1970 :

Hai tháng cuối là thời gian để kiểm điểm lại những thành quả và trở ngại của việc thi hành kế hoạch 1970, chuẩn bị lạng chạch nối liền cho năm 1971.

CHƯƠNG THỨ NHẤT
**PHÊ-BÌNH CHÍNH-SÁCH BÌNH-ĐỊNH
 VÀ PHÁT TRIỂN 1970.**

Việc nhận định các ưu điểm hay là các nét đặc thù của một chính sách toàn bộ của Quốc Gia đang thi hành giai-đoạn II thì tương đối ít khó khăn hơn là trình bày các khuyết điểm. Dù vậy chúng tôi cũng cố gắng đưa ra các trở ngại căn cứ theo :

- Sự quan sát hoạt động của đoàn Cán Bộ Gia-Định hai ở xã Linh Xuân Thôn.

- Sự tham khảo ý kiến với ông Tổng thư ký, Giám Đốc và một số chánh sở các Nha thuộc Bộ Phát Triển Nông Thôn cùng các anh em cán bộ ở Trung-Tâm Huấn luyện cán bộ Quốc Gia Vũng Tàu.

Ngoài ra trên cương vị một chính sách, việc phê bình cũng như đưa ra các nhận xét đề nghị cũng đều nằm theo bình diện tổng quát của một chủ trương đường lối

 * T I Ê T I *
 * ƯU ĐIỂM HAY LÀ NHỮNG NÉT ĐẶC THÙ *
 * CỦA CHÍNH SÁCH *

ĐOẠN I. - VIỆC SOẠN THẢO KẾ HOẠCH. -

1. - Kế hoạch có chủ điểm cho từng năm một. -

Những năm về trước, nhất là từ năm 1963 đến 1968 mỗi kế hoạch chỉ có tính các giai đoạn để đáp ứng tạm thời cho nhu cầu tình thế mà thiếu hẳn một chính sách dài hạn. Vả lại

với hoàn cảnh chánh trị rối rắm vì những khoảng trống định - chế đã làm các nhà lãnh đạo thời đó không có một chủ trương căn bản nào về mọi chương trình. Hôm nay có người gọi đó là giai đoạn đánh vô rừng''. Khi Miền-Pháp 1-4-67 ra đời với các định chế chánh trị, hành chánh, tư pháp lần lượt tạo cho miền Nam một tư thế pháp lý vững vàng. Còn trong thời gian chuẩn bị thì hai biến cố lớn đã ảnh hưởng đến miền Nam : cuộc tấn công Tết Mậu-Thân bắt đầu từ 30-1-68 vào các đô tỉnh thị trên toàn quốc và sự đơn phương ngưng oanh tạc miền Bắc của Hoa - Kỳ ngày 31-3-1968. Do đó miền Nam phải xét lại toàn bộ quan niệm đối với cuộc chiến tranh tư tưởng ý thức hệ có tính cách trường kỳ, toàn diện và quyết định bởi yếu tố nhân dân.

Nhận thức được bản chất cuộc chiến tranh hiện tại , chánh phủ đã dốc toàn lực vào nông thôn để bẻ gãy chiến lược dùng vào nông thôn bao vây thành thị. Một kế hoạch Bình-Định và Xây Dựng năm 1969 được mở đầu với chủ điểm nằm ngay trong đề tựa là đặt nặng vấn đề bình định lãnh thổ, mở rộng vùng kiểm soát của ta trước tiên cho được 90% dân số.

Sau các thành quả của năm 1969, Tổng Thống VNCH đặt chủ điểm của chính sách nông thôn 1970 là kế hoạch ''Bình-Định và Phát Triển''. Như vậy kế hoạch soạn thảo có một thứ tự căn bản vững chắc rõ rệt : muốn phát triển (1970) thì trước tiên phải bình định xây dựng (1969) để tạo an ninh cho công- cuộc quốc gia phát triển. Tuy thế vấn đề bình định không phải chỉ một năm 1969 là loại bỏ tất cả Cộng-Sản ở nông thôn, mà phải liên tục nuôi dưỡng để nông thôn không rơi vào tình trạng bất an cũ. Đó là lý do năm 1970 kế hoạch vẫn còn mang ý nghĩa Bình-Định. Năm 70 còn chú trọng Phát Triển song song với việc tiếp tục bình định, vẫn hội an ninh.

2.- Tính cách phân kỳ của kế hoạch.

Sự phân chia kế hoạch thực hiện ra làm ba giai đoạn , mỗi giai đoạn có một mục đích rõ rệt là kiểm thảo giai đoạn trước rút ưu khuyết điểm và chuẩn bị ấn định chương trình sẽ thi hành. Như vậy kế hoạch có tính cách khoa học, sát thực- tế phù hợp với những biến chuyển và nhất là dễ thi hành, đơn độc kiểm soát - Vả lại, ngoài những văn thư chỉ thị, các cấp Quân Cảnh Chính đều được tham dự những khóa hội thảo trước và sau khi thi hành những công tác dự án đề ra trong mỗi giai-

đoạn tại trung tâm Huấn Luyện Cán Bộ Quốc Gia Vũng Tàu. Hình thức này giúp trung ương lượng giá chính xác nhất khả năng của các viên chức thừa hành và những uốn khúc trong kế hoạch

Như vậy kế hoạch được phổ biến rộng rãi, trung ương sẽ nghe được nguyện vọng đích thực cùng sáng kiến của cấp thừa hành. Sự phân kỳ này khác với phong trào Học tập Ấp Chiến Lược mà khi đó các cấp đến để nghe, để nhận chỉ thị và thi hành.

ĐOẠN II. - CƠ CẤU TỔ CHỨC THỰC THI. -

1. - Sự phân nhiệm giữa các cơ quan. -

Công tác Bình-Định và Phát Triển là một công tác toàn bộ của Quốc gia được phân phối ra từng lãnh vực cho mỗi bộ sở quan đảm trách thi hành. Bảy mục tiêu trong 8 mục tiêu của chính sách đều thuộc một Bộ hữu trách, nhiều Bộ yểm trợ và liên quan đến. Ví dụ :

- Mục tiêu 1 : an ninh lãnh thổ (thuộc Bộ Quốc Phòng)
- Mục tiêu 2 : Bảo vệ dân chúng chống khủng bố (Văn - Phòng; thường trực Phụng-Hoàng trung ương).
- Mục tiêu 3 và 4 : Nhân dân tự vệ và hành đánh địa-phương (Bộ Nội Vụ)
- Mục tiêu 5 : Đại đoàn kết dân tộc (Bộ Chiêu Hồi)
- Mục tiêu 6 : Cải thiện đời sống nạn nhân chiến cuộc: (Bộ Xã Hội)
- Mục tiêu 7 : Thông tin Đại chúng (Bộ Thông Tin)

Từ năm 1969 đến 1970; nhiệm vụ của Bộ Phát Triển Nông Thôn được giới hạn vào 2 chương trình : văn bộ và phát triển xã ấp cùng khu vực vị trí ven đô. Sắc lệnh số 201 SL/PTMT / ngày 23-12-1969 của Thủ-Tướng Chánh phủ ấn định chức chương của Tổng trưởng Phát Triển Nông Thôn như sau :

a.) Hoạch định chương trình phát triển xã, ấp và ven - đô thị nhằm cải thiện đời sống đồng bào.

b.- Quản trị, huấn luyện và ấn định chương trình hoạt động cho các đoàn cán bộ Phát Triển Nông Thôn và Dân Ý trong nhiệm vụ tổ chức cơ cấu nhân dân phát triển xã ấp ven đô.

c. - Yểm trợ phương tiện và ngân khoản cho địa phương - trong phạm vi của Bộ Phát Triển Nông Thôn.

d. - Hướng dẫn, theo dõi và kiểm soát việc thi hành những kế hoạch đã được chấp thuận.

2. - Sự phối hợp điều hành chặt chẽ. -

Tuy có sự phân nhiệm rõ rệt, các Bộ và cơ quan của chính phủ phải tích cực phối hợp nhau chặt chẽ để thi hành các độ nguyên tắc căn bản của chính sách là : tinh thần cộng đồng Hợp Tác Chính Trung Tâm Điều Hợp Bình-Định Phát Triển Trung Ương sẽ đảm trách việc phối hợp này.

Trung Tâm Điều Hợp Bình Định và Phát Triển là danh xưng cải biến từ Ủy ban Điều Hợp Cộng tác thuộc Hội Đồng Bình Định và Xây dựng Trung Ương (thành lập do Sắc lệnh số 1853L/BĐXD ngày 3-11-68 của Thủ Tướng Trần Văn Hương) có 4 nhiệm vụ :

1. - Hoạch định phương thức thi hành các quyết nghị của Hội-Đồng Bình-Định Xây Dựng.

2. - Phân công và phối hợp hoạt động giữa các Bộ hữu trách

3. - Giải quyết các khó khăn xảy ra giữa các Bộ trong phạm vi thi hành chương trình hay kế hoạch ấn định.

4. - Giải quyết các vấn đề do Hội Đồng Bình-Định Xây Dựng giao phó.

ĐOẠN III. - MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH. -

1. - Xã là mục tiêu Bình-Định và Phát Triển. -

Thay vì chọn Ấp làm mục tiêu xây dựng nông thôn các kế hoạch Ấp Chiến Lược, Ấp Tân Sinh, Ấp Đời Mới, từ năm 1969 chính phủ quyết định chọn xã làm mục tiêu Bình Định và Phát Triển nông thôn. Việc lựa chọn này nhằm : phục hưng truyền thống căn bản hành chánh và nguyên tắc tự trị đã có từ đời vua Tự Đức 1874. Xã sẽ có ngân sách riêng, tài chánh riêng để tự quản trị và phát triển. Ngoài ra còn nhằm :

- Thực thi dân chủ ở hạ tầng cơ sở

- Để thực hiện điều đó, chính tại xã mỗi người dân

sẽ hành sử chủ quyền của mình qua lá phiếu chọn người xứng-
đáng đại diện vào Hội-Đồng xã và Ủy Ban Hành Chánh Xã. Xã thôn
có nhiệm vụ khai quật cả một cộng đồng trách nhiệm (triệt để
tôn trọng pháp luật, chấp nhận quyền lợi chung) và cộng đồng
phồn thịnh (công bằng xã hội, phát triển kinh tế văn hoá xã
hội)

Nói như vậy, không phải chúng ta hoàn toàn bỏ rơi đơn
vị Ấp. Ấp là đơn vị thực hiện các chương trình phát triển xã
hội, Xã Ấp sẽ được gia tăng quyền hạn rộng rãi để lãnh trách
nhiệm phát triển xóm làng đúng mức và hữu hiệu.

2.- Trong tâm của chính sách 1970 là chương trình tự túc
phát triển xã và khu vực thị tứ ven đô.-

1.- Tự túc phát triển xã.-

Có thể nói năm 1970 là năm phát triển toàn diện đều hòa
trên 3 bình diện chánh trị, kinh tế, xã hội những dự án nền
hạ cơ tác dụng và ảnh hưởng trực tiếp cho nhân dân xã và cho
Khóm Phường khu phố. Mục đích của chương trình là vận động và
tổ chức nhân dân thành các Tổ Hợp để tiến tới tự phòng, tự
quản, tự túc và tự cường qua các sinh hoạt dân chủ hầu phát
huy tinh thần cộng đồng cho mỗi người dân đứng lên tranh đấu
bảo vệ những nguyện vọng quyền lợi thiết thực của mình :

a.- Nguyên tắc căn bản.-

Hai loại dự án của chương trình tự Túc phát triển xã
(dự án sinh lời : chăn nuôi, đào ao nuôi cá... và dự án xây
cắt) đều phải do chính nhân dân trong cộng đồng bình nghị để
xướng trong tinh thần dân chủ. Sự tự nguyện đóng góp của nhân
dân là chính yếu, mọi trợ cấp bên ngoài như ngân khoản vật -
liệu đều là phụ thuộc. Sự đóng góp này sẽ được linh động ấn
định tách phân với sự trợ cấp của chánh phủ thay vì phải bằng
nhau theo nguyên tắc.

Toàn dân trong xã kể cả đồng bào thiếu số, ty nạn Cộng
Sản, Hội chánh viên đã được định cư đều được tham gia các Tổ
Hợp - Cá nhân trên 18 tuổi cư ngụ tại xã là đơn vị gia nhập
Tổ hợp và mỗi cá nhân có thể tham gia nhiều tổ hợp nhưng chỉ
được làm một Tổ Trưởng mà thôi. Tổ Hợp là một nhóm người cùng

nhu cầu hay cùng một nghề nghiệp liên kết hợp tác nhau, tự động góp công góp của để thực hiện và điều hành một dự án theo nội quy hay khẩu ước đã thỏa thuận với nhau - Năm 1969 người dân chỉ tham gia 1 tổ hợp là 1 gia đình.

b. - Tiêu chuẩn trợ cấp ngân khoản. -

Khác với năm 1969, mỗi xã đã hay chưa bầu đều được trợ cấp tối thiểu 400.000\$. Xã có trên 2500 dân cứ mỗi 500 người dân được cấp thêm 50.000\$ nữa.

Dự án tự túc phát triển xã chia làm 2 loại :

- Loại 1 : dự án dưới 100.000\$: do Hội Đồng Xã chấp thuận và thực hiện. Xã có thể xin Tỉnh giúp về mặt kỹ thuật.

- Loại 2 : dự án trên 100.000\$: do Hội Đồng Bình Định Phát triển Tỉnh chấp thuận, nhưng phần thực hiện có thể do xã hay do tỉnh nếu Hội Đồng Xã yêu cầu. Trị giá của dự án chỉ được tính theo số ngân khoản do chính phủ trợ cấp. Ngoài ra năm 1970 bãi bỏ sự hạn chế 1/3 ngân khoản của chính phủ dành cho dự án xây cất và 2/3 cho dự án sinh lời. Số tiền trợ cấp sẽ được giao trọn một lần cho xã bằng Quyết Định lập Quỹ ứng trước đề tên Ủy viên kinh tài làm quản lý kế toán (được phép giữ một số tiền mặt là 100.000\$ thanh toán các chi phí lặt vặt, và được quyền trả bằng tiền mặt các khoản chi tới 50.000\$).

c. - Kế hoạch thực hiện. -

Việc thực hiện chỉ còn 5 giai đoạn (bỏ giai đoạn 6 của năm 1969)

- Giai đoạn 1 : Quảng bá chương trình
- Giai đoạn 2 : Vận động nhân dân vào các tổ hợp.
- Giai đoạn 3 : Hội thảo tại Ấp : để thảo luận và ấn định ưu tiên dự án (dự án mang lợi ích cho nhiều dân nhất).
- Giai đoạn 4 : Đại hội tại Xã : gồm tất cả mọi người cư ngụ tại xã trên 18 tuổi để bỏ phiếu quyết định chấp thuận dự án).
- Giai đoạn 5 : Thực hiện dự án.

d. - Đặc điểm của chương trình. -

Chương trình tự túc phát triển xã 1970 là một chương trình có tính cách chánh trị hơn là kinh tế vì nhằm liên kết mọi dân chúng trong xã tạo cơ hội sinh hoạt dân chủ, thúc đẩy họ tự xác định nhu cầu của mình, tự hoạch định và thực hiện các dự án để thỏa mãn các nhu cầu đó.

Về phương diện kinh tế, chương trình với các án sinh lời (như nuôi heo, cá, mua nông cơ, ngư cụ hạt giống.....) sẽ tăng gia trực tiếp lợi tức cá nhân, và các dự án xây cất công cộng (cầu cống, chợ, đường xá, trường học v.v...) thuận lợi cho sự phát triển kinh tế tập thể.

Nề mặt mục đích, chương trình phát triển xã 1970 nối tiếp các chương trình tự túc Phát triển Ấp nhưng Phát Triển xã áp dụng phương thức dân chủ, dân tự thảo luận, bình nghị hơn là chánh quyền tự điều nghiên ấn định dự án cho người dân như những năm trước 1968

2. - Tự túc Phát triển khu vực thị tứ, ven đô. -

Ngoài ra, các nguyên tắc căn bản áp dụng cho chương trình tự túc phát triển xã cũng được áp dụng cho một chương trình tự túc phát triển khu vực thị tứ bao gồm Đô Thành Sài Gòn, thị xã các thị tứ. Một cách tổng quát thì những tiêu chuẩn trợ cấp, kế hoạch thực hiện, thủ tục tài chánh tương đối không khác biệt nhiều so với chương trình tự túc Phát triển xã, trừ các tiêu đi sau :

a. - Xã thị tứ chia làm 2 loại :

- Loại 1 : xã thị tứ nhỏ có từ 20.000 dân đến 50.000.
- Loại 2 : xã thị tứ lớn có trên 50.000 dân

Đối với xã loại 2, những dự án trên 200.000% sẽ không được chấp thuận vì chương trình tự túc phát triển chỉ nhằm thực hiện những dự án nhỏ và ngắn hạn (chương trình này chỉ có 2 loại dự án : dưới 100.000% và từ 100.000% đến 200.000%) Biệt lệ của trường hợp này là Cam-Ranh, các xã thị tứ lớn trên 50.000 dân, các khu phố và Ấp còn giữ được tính chất nông thôn.

Hơn thế nữa, tại Đô Thành, các thị xã và xã thị trấn - từ loại 2 trên 50.000 dân chỉ được thực hiện các dự án phát triển công ích mà thôi, và không được thực hiện dự án sinh lời.

b. - Trong giai đoạn 2 của kế hoạch thực hiện sẽ thành lập Ủy ban Phát triển Phường, Khu Phố, Khóm (do thân hào nhân sĩ, Phường trưởng, Liên gia trưởng bầu) gồm có :

- 1 chủ tịch
- 1 phó chủ tịch
- 1 thư ký
- 7 hội viên : tài chính, tiếp liệu, công chánh, kiến thiết, kinh tế, giáo dục và kiểm soát.

Điều này phù hợp với tổ chức hành chính tại đô thành, thị xã (khóm : Ấp ; Phường : Xã).

Sỹ dự các chương trình đều được áp dụng một thủ tục tài chính, hành chính giản dị. Ví dụ :

- Thủ tục mua vật liệu :
 - * Dưới 100.000\$: khảo khảo giá.
 - * Từ 100.001\$ đến 200.000\$: khảo giá ít nhất ba nhà buôn
 - * Từ 200.001\$ đến 1.000.000\$: phải khảo giá rộng rãi và lập kế ước tương thuận đơn giản.

- Các dự án tuyệt đối cấm đấu thầu mà phải thực hiện theo lối quan quản trực tiếp hay phát triển cộng đồng. Theo thể thức này hai loại dự án sẽ được miễn thuế môn bài tỷ lệ và thuế sản xuất 6% nếu trị giá dự án không quá 300.000\$.

3. - Chú trọng đặc biệt vai trò của nhân dân. -

Trong cả 3 mục tiêu của chính sách, yếu tố nhân dân lúc nào cũng được đề cao là yếu tố trụ cột để hoàn tất mục tiêu. Thật sự ra vai trò nhân dân đã được các kế hoạch trước quan niệm đẹp đẽ trên lý thuyết, nhưng trong thực tế đối tượng chính yếu này không được chú trọng áp dụng như một căn bản để giải quyết cuộc chiến tranh ý thức hệ với Cộng Sản .

Đặt nặng thể nhân dân là cốt để phá tan chiêu bài "Chiến tranh nhân dân" của Cộng-Sản, một cuộc chiến tranh mà Cộng-Sản đề cao vai trò độc tôn của nhân dân không thể thay thế được trong suốt quá trình tranh đấu. Sức mạnh của nhân dân xếp hạng trên số lượng vũ khí bom đạn. Hồ Chí Minh đã từng nói : "Chúng ta thà mất đất chứ không chịu để mất lòng dân Bản chất của cuộc chiến này như đã trình bày là một cuộc chiến tranh chính trị, tranh thủ nhân tâm, - một cuộc thi đua đua văn hơn là giành nhau từng tấc đất. Hơn thế nữa, sau thất bại Tết Mậu-Thân, người dân đã thức tỉnh được một phần nào thiên đảng Cộng-Sản, đã ngăn ngấm chiến tranh. Đồng thời với sự tiến bộ kỹ thuật - của vũ khí, sự giúp đỡ của Đồng-Minh đã làm Cộng-Sản không thể nào thắng được miền Nam bằng các trận địa chiến. Họ bắt buộc phải quay về du kích chiến để tiếp tục cuộc chiến tranh trường kỳ cố hữu bám vào dân chúng như cá với nước. Muốn lợi dụng hoàn cảnh quân sự thuận lợi trên chiến trường để nhổ rễ du kích ở nông thôn thì phải thu phục nhân tâm cốt đút căn bản của Cộng-Sản là dân chúng. Chính Roger Hilsman, phụ tá ngoại trưởng Mỹ về Viễn-Đông Sự Vụ sau khi điều khiển một công trình nghiên cứu đi tìm một địch thủ thức cho chiến lược chống du kích đã kết luận : "Hậu thuẫn của dân chúng đối với chính quyền là điều kiện sống còn của cuộc chiến chống du kích".

Các mục tiêu nhân dân tự vệ, Phát triển hành chính ở phường, Đại Đoàn kết Quốc gia là những thể hiện cao độ nổi bật nhất của kế hoạch 1970 nhằm dành lại thể nhân dân ta en chốt từ nông thôn đến thành thị.

ĐOẠN IV. - YẾU TỐ NHÂN SỰ. -

1. - Vai trò của xã trưởng. -

Để hoàn tất việc tranh thủ nhân tâm, chính trị, Thủ Tướng Chính phủ bằng Sắc lệnh số 045 SL/NV ngày 1-4-69, các Sự vụ văn thư số 1945-ĐNV/HQĐP/26/X đã đem lại sự hành - động cho xã : đó là sự trưởng thành trong việc tự đảm trách lấy việc quản trị, phát triển xã, cũng như chia sẻ trách - nhiệm về an ninh và tham dự vào cuộc chiến tranh chỉ đạo tại xã.

Xã trưởng có quyền điều động các lực lượng thuộc quyền kể cả Nghĩa quân và tất cả Cán bộ các ngành trong phạm vi hoạt động xã.

Xã trưởng điều động và sử dụng Cán Bộ Phát-Triển Nông Thôn từ Ấp này sang Ấp khác, phối trí thành toán hoạt động trong Ấp nếu tình hình an ninh cho phép và có lực lượng an ninh yêu trợ. Xã trưởng không được điều động cán bộ Phát-Triển Nông thôn ngoài mục đích phát triển hay vào mục đích thuần túy quân sự. Đoàn trưởng Đoàn Cán Bộ /PTNT là Phụ Tá Bình-Định và Phát Triển cho Xã trưởng.

Xã trưởng có quyền thưởng thưởng Cán Bộ PTNT xuất sắc bằng tuyên dương, phép đặc biệt.... theo đề nghị của Phụ Tá Bình-Định Phát triển và cũng có quyền cảnh cáo khiển trách hoặc nghị ra Hội-Dồng Kỹ-Luật nếu cán bộ phạm lỗi.

Những sự kiện trên buộc xã phải tự lo liệu, đặt kế hoạch đề tự về về phát triển về mặt kinh tế và xã hội. Trung ương, Tỉnh, Quận chỉ giữ vai trò hướng dẫn và yêu trợ cho xã

2.- Vai trò của cán bộ kỹ thuật.

Phụ giúp cho xã trong công cuộc Bình-Định Phát Triển Nông Thôn, còn có loại cán bộ kỹ thuật hướng tốt qui chế riêng theo Nghị-Định số 836-ND/NV ngày 30-7-1969 của Thủ-Tướng Trần Văn Hương.

Cán bộ Kỹ thuật có tính cách đa nhiệm, hoạt động trong và ngoài lãnh vực kinh tế, xã hội, chính trị v.v... Dưới sự điều động của xã trưởng, loại cán bộ này có những nhiệm vụ đại cương như :

- Giúp đỡ nhân dân giải quyết những nhu cầu cần thiết về phương diện kinh tế, xã hội, y tế, giáo dục....

- Chỉ dẫn kỹ thuật về cách hướng dụng những tiện ích kinh tế và xã hội.

- Giải đáp mọi thắc mắc của nhân dân trong xã lập liên quan đến vấn đề luật pháp, chính trị, kinh tế, nông lâm ngư-nghiệp, xã hội theo dõi dân tình, tìm hiểu nguyện vọng chính đáng của nhân dân chuyển trình lên Xã trưởng.

- Giúp các Ủy viên hoàn thành những trách vụ quan trọng và khẩn thiết như dân vận, đoàn ngũ, phát triển tiếp-liệu v.v.....

- Góp ý kiến với xã trưởng trong việc soạn thảo mọi kế hoạch liên quan đến việc nâng cao mức sống nhân dân, phát triển và bảo vệ quyền lợi xã hội ở mọi phương diện.

Người cán bộ kỹ thuật được tuyển chọn từ thành phần có Tú Tài II và qua 4 tháng huấn luyện tại Trung tâm Huấn Luyện Cán-Bộ Quốc gia Vũng Tàu trước khi về xã.

3.- Vai trò của người cán bộ Phát triển Nông-Thôn.

Cho đến năm 1969, Cán Bộ Xây Dựng Nông Thôn vẫn còn được sử dụng trong vai trò nặng về quân sự hơn là xây dựng, nghĩa là có nhiệm vụ chiến đấu về trang như một thành phần của Quân Lực : đóng đồn, nắm đường và có khi còn trực thăng vận nữa. Sự sử dụng cán bộ vào nhiệm vụ thuần túy quân sự làm sai lệch cả tầm quan trọng của chính sách nông thôn và đưa đến hậu quả là sự đào nhiệm của 5315 cán bộ trong năm 1969.

Đến năm 1970, với sự bành trướng của Quân Lực, sự lớn mạnh của Nghĩa Quân, Địa phương quân, người Cán-Bộ Phát Triển Nông-Thôn (cải danh của Cán-bộ Xây Dựng Nông-Thôn theo Nghị-Định số 0010/PTNT/511/NĐ ngày 10-01/70) trở về nhiệm vụ thuần túy là một cán bộ chánh trị với hai đặc tính căn bản là :

- Nhân dân. -

Cán bộ PTNT xuất thân từ nhân dân, là những nam -nữ thanh niên sinh trưởng tại nông thôn gia nhập ngành này để được gởi đi thụ huấn tiếp thu những kiến thức kỹ thuật cần-thiết rồi trở về nông thôn phục vụ lợi nhân dân làng xóm. Cán bộ PTNT chéi đống vào thể nhân dân và hoạt động nghĩa là đều với nhân dân như là một thành phần của cộng đồng làng xã, cùng ăn cùng ở chiến đấu xây dựng với nhân dân chứ không phải trong tư cách đại diện chánh quyền. Cán bộ là nhịp cầu thông cảm giữa nhân dân và chánh quyền.

- Cách mạng. -

Cán Bộ PTNT còn được giáo dục để giác ngộ lý tưởng cách mạng là phá đời cũ tối tăm, nghèo đói ngu dốt bệnh tật chậm tiến để xây dựng một đời mới sáng sủa, sung túc tiến bộ hơn. Cán bộ PTNT là chất men khởi vận động nhân dân vùng lên chiến đấu cho lý tưởng đó, đồng thời lôi kéo kẻ địch về chiến Hối hơn là trừng trị tiêu diệt.

Như vậy nỗ lực chính của cán bộ PTNT là : tranh thủ nhân tâm và vận động nhân dân tham gia tích cực vào chương trình tự túc Phát triển xã.

Ngoài ra người Cán bộ PTNT còn được huấn luyện để có đủ thêm khả năng thi hành những công tác chính sau :

1.- An ninh.- (Kiểm tra phân loại nhân dân : tổ chức tình báo nhân dân, khám phá tiêu diệt hạ tầng cơ sở Cộng-Sản...)

2.- Quân sự.- (huấn luyện tổ chức Nhân Dân Tự Vệ thành đoàn, liên toán, Toán, Tổ, phối hợp với lực lượng an ninh lãnh thổ để bảo vệ an ninh cho Đoàn, Xã, Ấp v....)

3.- Kinh tế.- (giúp đồng bào vay tiền Ngân Hàng Phát-Triển Nông nghiệp, thành lập Hợp Tác Xã thích hợp ; giúp viên chức xã áp dụng hành tiếp tế, cải tiến chăn nuôi thực hiện chính sách Người Cây có Ruộng....)

4.- Xã-hội.- (Bài trừ tham nhũng ; hướng dẫn nhân dân cách vệ sinh, sử dụng cơ sở tiện nghi công cộng ; Góp ý kiến với chánh quyền về kế hoạch cải tiến mức sống đồng-bào ; Tự Nạn Cộng Sản....)

5.- Văn hóa giáo dục.- (Phát huy văn hóa dân tộc, tổ chức các buổi họp bạn gây tinh thần đoàn kết, đạo đức ; đã phá mê tín dị đoan, khôi phục tập quán tốt, tổ chức lớp truyền bá quốc ngữ v.v....)

Cán bộ PTNT thi hành bất cứ công tác nào, trong bất cứ lãnh vực nào theo chỉ thị của Xã-Trưởng để hoàn thành 8 mục tiêu.

Tuy nhiên mặc dầu kế hoạch bình định và Phát-Triển năm 1970 chưa chấm dứt, mặc dù có những ưu điểm nổi bật trọn nhưng căn cứ vào những cuộc thanh tra, những khóa hội thảo tiếp xúc mà chúng tôi tham dự trực tiếp, kế hoạch đã và sẽ gặp những khuyết điểm trở ngại sau :

*

* *

T I Ế T II

NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM VÀ VIỆM TƯƠNG CÁC TRỞ NGẠI

ĐOẠN I. - VỀ PHƯƠNG DIỆN KẾ HOẠCH. -

1. - Những bước quá nhanh của chương trình tự túc Phát Triển. -

Chương trình Tự Túc Phát Triển Xã không phải được đặt ra từ 1970 nhưng đã bắt đầu thi hành từ năm 1969, năm mà nông thôn còn đang xảy ra sự tranh dành kiểm soát giữa Quốc Gia và Cộng-Sản. Trong khi đó chủ thuyết "Á-Châu tự quản" bắt đầu áp dụng để quân đội Mỹ và Đông-Minh lần lượt rút về nước theo sự tiến triển của Hội-Dàm Ba-Lê, sự tối tâm hóa quân lực Việt-Nam trao trả lần gánh nặng VN cho người VN. Có lẽ chính phủ muốn chứng tỏ khả năng tự lực tự túc tự cường của người dân Việt đủ để xây dựng quốc hương, theo đuổi cuộc chiến tranh xâm lăng nên miền Nam đã phát động ngay chương trình tự túc xã từ năm 1969 với nguyên tắc chỉ giúp đỡ một ngân khoản, kỹ thuật và yểm trợ vật liệu. Chính vì muốn trao ngay trọng trách cho người dân tự quản tự hưởng trong khi an ninh chưa quảng bá sâu rộng, nên đến ngày 31-5-1970 mà chương trình Tự Túc Phát Triển xã 1969 chưa hoàn tất còn dang dở 3.417 dự án.

Hậu quả của bước quá nhanh là các dự án sinh lợi (nuôi cá, heo v.v.....) bị xã toa rập với tổ viên n u ôi bán lấy tiền rồi khai báo chết.

Hậu quả thứ hai là chương trình tự túc phát Triển xã năm 1970 (theo tài liệu của Bộ Phát Triển Nông Thôn) mới qua giai đoạn 3 (hội thảo tại ấp) và giai đoạn 4 (Đại Hội tại Xã). Trong hai loại dự án của chương trình Phát Triển xã chỉ có dự án xây cất công cộng có kết quả

khả quan. Những nguyên nhân đã làm các dự án sinh lời năm 1970 (chăn nuôi bò, heo gà cá và máy móc như máy cày bơm nước) ít thành công là do khuyết điểm sau :

a.- Chăn nuôi.-

* Tinh thần tổ hợp của các hội viên thấp kém chỉ hợp tác được lúc đầu - Sự chăn nuôi tập thể đối với người miền quê thường không lâu bền và là một hình thức mới mà đòi hỏi lòng tin tưởng lẫn nhau tin tưởng chính quyền và sự hiểu biết lợi ích của tổ hợp.

* Trong khi đó các Ty chuyên môn không tích cực giúp đỡ kỹ thuật cho Tổ viên, chăm sóc và giữ gìn như tỉnh Mỹ-Tho Gò Công (theo bảng đúc kết nhận xét của Nha Chương Trình Bô Phát Triển Nông Thôn) đã làm các dự án chăn nuôi thất bại hoàn toàn.

6 Trong khi đó các Ty chuyên môn không tích cực giúp đỡ kỹ thuật cho Tổ viên, chăm sóc và giữ gìn như tỉnh Mỹ Tho Gò Công (theo bảng đúc kết phân xét của Nhà Chương trình Bộ Phát Triển Nông Thôn). đã làm các dự án chăn nuôi thất bại hoàn toàn.)

b Máy móc. -

0 Cũng vậy, vì chưa thông suốt chủ trương của chương trình nên tinh thần tổ hợp thấp. Người dân quan niệm sự cung cấp máy móc chỉ là một đặc ân của chánh quyền giúp vốn, không biết chiết cụ để phát triển một thành hai. Do đó việc đầu tư không tiến triển.

0. Kỹ thuật bảo trì máy móc còn yếu kém, không biết sửa chữa sơ cấp chỉ trông cậy vào chánh quyền.

Vì những khuyết điểm đó, chúng tôi nghĩ rằng muốn thành công trong chương trình về phương diện kỹ thuật ngoài sự quảng bá sâu rộng, đối với dự án sinh lời chánh phủ không nên cấp tiền thẳng cho người dân. Người dân muốn thực hiện dự án sinh lời phải đến vay tiền của Ngân Hàng Phát Triển Nông Nghiệp (hay ngân hàng nông thôn nếu tại địa phương đã thiết lập) bằng cách đóng tiền "ký quỹ" trị giá 1/3 dự án rồi sẽ được vay của Ngân Hàng trọn số tiền cần thiết. Việc làm này sẽ làm người dân ý thức và bảo vệ dự án lâu dài.

Hơn thế nữa, để kiện toàn chương trình, thay vì cấp tiền đồng đều cho mỗi xã 400.000\$, xã có trên 2500 dân cứ mỗi 500 dân được cấp thêm 50.000\$ nữa, rồi dân mới bình - nghị thực hiện như hiện tại 1970, thiết tưởng chánh quyền có thể đảo ngược lại bằng cách để dân bình nghị chọn lựa dự án sẽ thực hiện rồi căn cứ vào đó cấp tiền cho xã thi hành.

Điều này sẽ thỏa mãn đúng nguyện vọng của dân chúng địa phương: cần máy cày cấp máy cày v.v..., nhất là thỏa mãn được nguyện vọng của đông bác thiếu số không thể nào phát triển kịp theo nhịp phát triển của người Kinh.

Trong khi chương trình Tự túc Phát Triển Xã còn đang kiện toàn thì chính phủ lại phát triển tự túc khu vực ven đô thị tứ. Chính những bước quá nhanh này làm địa phương chuẩn bị không kịp (tinh thần tự túc, tự lực) nhân sự không

đủ (phải mở các khóa hội thảo liên tiếp tại tỉnh, tại Trung tâm Cán-Bộ Quốc Gia Vũng Tàu) nên chương trình 1969 vẫn còn dang dở một số.

2.- Các mục tiêu lý tưởng và khó thực hiện.-

a.- Tư tưởng chỉ đạo 1.- Bình định và Phát Triển phải kết làm một, thực hiện song hành.

Đây là một công tác mà trên thực tế trong bất cứ hoàn cảnh chiến tranh nào cũng rất khó thực hiện. Điều kiện đầu tiên là phải bình định giải phóng dân chúng nông thôn-- thoát khỏi sự kiểm soát của Cộng-Sản, xây dựng xong xóm làng với cơ cấu định chế dân chủ thực sự để tạo niềm tin trong dân chúng rồi mới lo vấn đề phát triển được dù là sự phát triển có tính cách chánh trị nhiều hơn kinh tế. Trường hợp Mã Lai Á muốn phát triển được như ngày nay (có hệ thống xa lộ xếp hạng nhất Á Châu, đồng bạc Mã Lai Á vững chắc, lợi tức đầu người 300 mỹ kim chỉ thua Nhật Bản v.v...) là phải dẹp tan Mã Cộng từ trong trứng nước.

Tư tưởng chỉ đạo số một này có thể bỏ qua được, nếu không sẽ mâu thuẫn với tư tưởng chỉ đạo số 3 : bình định là giai đoạn chuyển tiếp 1969 phải giải quyết nhu cầu căn bản cấp bách nhất và phát triển là công tác trường kỳ thực hiện tuần tự sau. Hơn nữa theo nhận xét của chúng tôi cũng như các vị Giám-Đốc và Chánh sở thuộc Bộ Phát-Triển Nông Thôn thì chính sách bình định và phát triển hiện tại vẫn thiên về nhu cầu cấp bách an ninh hơn là phát triển. Chính tỷ lệ 3/8 của các mục tiêu 1 (an ninh lãnh thổ), 2 (bảo vệ dân-chúng chống khủng bố) 3 (Nhân dân tự vệ) đã bộc lộ tính cách an ninh quân sự là mối ưu tư của chánh quyền.

b.- Mục tiêu 8.- Thịnh vượng chung :

Thật là một danh từ to lớn, lý tưởng có tính cách đánh bóng cho một chính sách nhiều hơn để thi hành hoàn tất trong năm 1970. Thật vậy, những chương trình trợ giúp đồng bào nông thôn, đô thị, cải tiến tình trạng xã hội ... trong mục tiêu này hiện nằm trong chính sách của các Bộ liên hệ đang thi hành. Kể khai vào đây quá nhiều lần nói lên giấc mơ đối hia bày dăm của chính phủ, làm loảng đi chủ điểm của kế hoạch từng năm. Các chương trình "Nười cây có ruộng",

phát triển gia cư xây nhà rẽ tiền, giữ vững giá sinh hoạt đô thị, giáo dục đại chúng, lập trung tâm cộng đồng, Tự lực Phát triển do Hội-Đông Đô tỉnh thị xã phụ trách v.v.. là những vấn đề còn dang dở cần thi hành, hoặc bị chống đối hoặc có tác dụng trái ngược. Vậy để cụ thể hóa chính sách 1970, chúng tôi đề nghị chỉ ghi vào những công tác thật ngắn hạn có thể thực hiện trong năm (như kiểm kê số ruộng bị truat nữa, số diện cần được bồi thường, khuếch trương dịch vụ Ngân Hàng Nông Nghiệp và Tổ hợp sản xuất, thành lập Hợp tác xã, hội phụ huynh học sinh, ban trưởng Tiểu-Học Cộng đồng v.v....)

c.- Những con số nặng hình thức.-

Việc ấn định các con số như : bảo đảm an ninh hoàn toàn cho tối thiểu 90% dân chúng sống trong Ấp A, B, hoàn toàn an ninh ngày đêm trên các trục thủy lộ giao thông quan trọng, giảm tối thiểu 50% so với 1969 các cuộc pháo-kích phá hoại trên vùng đang bình định và 75% trong vùng ấp A, B (của mục tiêu 1) ; kiện toàn số nhân dân tự vệ : 1.500.000 cho hạng chiến đấu, 1.500.000 cho hạng hỗ trợ, cấp phát 100.000 vũ khí (mục tiêu 3) là những điều kiện để bôn hình thức tái phát. Thực sự các con số đó tùy thuộc các yếu tố là sự ổn định chánh trị, sự lớn mạnh của lực-lượng Nghĩa quân, Địa phương quân (tổ chức, huấn luyện đầy đủ), tinh thần của dân chúng v.v....

Trong khi tình trạng an ninh khó thực hiện được như vậy thì cũng không thể hoàn tất việc bầu cử xã ấp 100%, kêu gọi 40.000 hời chánh viên cho năm 1970 được.

ĐOẠN II.- VỀ PHƯƠNG BIỆN NHÂN SỰ.-

1.- Quyền hạn rộng rãi và nhiệm vụ nặng nề của Xã.-

Vì muốn thực thi dân chủ tại hạ tầng cơ sở, tranh thủ nhân tâm nên chánh quyền đã trao cho xã ôm đồm quản lý trọng trách vượt khả năng quản trị của xã. Ngoài việc hành-thu vật và các sắc thuế cho ngân sách tự trị, xã còn điều-động các lực lượng Nghĩa-quân, các loại Cán bộ để thiết kế hoạch định phát triển xã. Việc này có hai hậu quả trái ngược

- Nhiều xã căn cứ vào quyền tự trị rộng rãi của mình không chịu làm việc, không công nhận quyền giám hộ của Tỉnh khiến Tỉnh phải than phiền về thái độ của xã. (Ví dụ Tỉnh Hậu Nghĩa, theo các báo ngày 21-6-70)

- Có xã lại quá bận rộn, dù đã học qua nhiều khóa huấn luyện, mà vẫn không thông suốt chính sách Phát triển nên đã thi hành sai lạc cả đường lối Tự Túc Phát Triển xã (Ví dụ : Tỉnh Kiến-Phong, theo báo cáo của Nha Thanh Tra Bộ Phát Triển đúc kết thời gian thi hành giai đoạn I).

- Hậu quả thấp nhất là các xã quá yếu kém về thủ tục Tài chánh, sổ sách không rành mạch, sử dụng sai lạc mục tiêu của dự án sinh lời (như mua Tivi : Tỉnh Bình - Long), giao cho Quận Trưởng làm Quản lý kế toán (thay vì Ủy viên kinh tài) và quyết định mọi dự án (thay vì nhân dân) như tỉnh Kiến-Tường - Hầu hết các xã thượng ở tỉnh Lâm-Dông Phú-Bôn, Pleiku đều lâm vào khuyết điểm này. Đó cũng lỗi lầm của chính sách Phát Triển không chú trọng đến vấn đề địa phương.

2. - Tính cách đa năng đa nhiệm của Cán bộ kỹ thuật. -

Với trình độ Tú Tài II, qua một khóa huấn luyện 4 tháng cán bộ kỹ thuật về làm sao biểu được thực trạng nông thôn, làm sao đủ khả năng để giải đáp chỉ dẫn mọi thắc mắc về luật pháp, chính trị.... soạn thảo các kế hoạch nâng cao mức sống nhân dân v.v.. Những vấn đề kinh tế thế giới đòi hỏi người cán bộ một kiến thức huấn luyện lâu dài. Đối với vai trò này chúng tôi cho là không cần thiết, hao tốn công quỹ. Phần lớn các người có Tú Tài II không đầu vào các phân khoa chuyên nghiệp ở Đại Học đều gia nhập ngành này để được hoãn dịch. Đưa họ về nông thôn, mặc cảm tự tôn và xa lạ khó mà giúp họ chịu sự điều động của xã để làm tròn nhiệm vụ. Thay thế cho nhiệm vụ của cán bộ này cũng có thể là các cán bộ Phát Triển Nông Thôn, viên chức xã ấp và cũng nên giao cho ông Phó Quận Trưởng thăm viếng xã ấp thường xuyên, tiếp xúc với dân chúng.

3. - Áp lực của đảng phái và tôn giáo. -

Tại một số tỉnh cực Bắc miền Trung, đảng phái đã len lỏi vào trong hàng ngũ cán bộ Phát Triển nông thôn rất nhiều chỉ phối nặng nề việc thi hành chính sách. Tại Quảng Nam..

Quảng Ngãi đôi khi còn có sự tranh chấp nặng nề giữa đảng này với đảng kia trong hàng ngũ cán bộ. Những người của đảng phải giữ các chức vụ Tỉnh đoàn Trưởng cán bộ PTNT, Trung - Tâm Trưởng Điều Hợp nhiều lúc dùng địa bàn nông thôn hoạt động cho đảng, không cần biết hệ thống liên lạc các Ty sở chuyên môn.

Ngoài ra, tại các xứ đạo như Biên-Hòa (theo bảng đức kết nhận xét của Nha chương trình) các xã đã bị áp lực của các cha lãnh đạo tinh thần trong việc bình nghị lựa chọn dự án phát triển 1970.

4.- Cán bộ Phát triển Nông thôn.-

Yếu tố nhân sự, nhất là số cán bộ Phát Triển Nông - thôn gần 50.000 người đóng vai trò mấu chốt quyết định sự thành bại của chính sách. Đến cuối năm 1969, cán bộ vẫn bị sử dụng vào những công tác thuần túy quân sự một phần vì nhu cầu tình thế rồi ren bắt buộc các cấp lãnh đạo phải dùng cán bộ như Nghĩa quân, địa phương quân. Đến năm 1970 với đà tiến triển của việc tổ chức huấn luyện hoàn chỉnh Nghĩa quân, địa phương quân, Nhân dân Tự vệ và nhất là sự yếu kém của Cộng-Sản trên chiến trường, cán bộ Phát Triển Nông Thôn được hoàn trả về nhiệm vụ chánh trị để tranh thủ nhân tâm, vận động nhân dân tham gia phát triển xã. Đây không phải là nhiệm vụ mới được đề xướng, nhưng mới được thi hành và đòi hỏi chủ quan nơi người cán bộ những đức tính nhân ái thông suốt chính sách, hòa đồng với dân chúng. Nhiệm vụ này muốn thành công còn đòi hỏi các nguyên nhân gián tiếp như :

- Đường lối hoạt động của cán bộ phải liên tục trên căn bản dù mục tiêu có thể thay đổi hàng năm.

- Đặt nặng toàn bộ vấn đề huấn luyện, chú trọng phẩm hơn lượng.

- Cán bộ cấp lãnh đạo phải tôn trọng tuyệt đối nguyên tắc sử dụng Các nguyên nhân gián tiếp đã được chánh phủ cải thiện có kết quả bằng những ưu điểm của chính sách, bằng cách tổ chức những khóa huấn luyện liên tiếp (cán bộ và xã ấp, liên toán trưởng, Đoàn trưởng, công chức, quân nhân v. v...) để mỗi người hiểu rõ trách nhiệm bổn phận mình.

Vấn đề là chỉ còn là làm sao cho người cán bộ ý thức được sứ mạng đấu tranh chính trị của mình, tích cực vận động nhân dân tham gia vào việc phát triển là khó khăn mà cán bộ Tỉnh Khánh Hòa (theo báo cáo của Nha Chương Trình) đã quảng bá yếu kém chương trình tự túc xã nên số dân tham dự tổ hợp rất ít.

Ngoài ra trong 30 mục tiêu thuộc 6 lãnh vực khả năng của người cán bộ (an ninh, chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội và văn hóa giáo dục) có mục tiêu vượt khả năng người cán bộ: ví dụ bài trừ tham nhũng, nhưng tựu trung vẫn đòi hỏi tính cách đa năng đa nhiệm cũ, chưa thể hiện đúng mức ý nghĩa người cán bộ chính trị - Chúng tôi thiết nghĩ, vai trò cán bộ chính trị phải nuôi dưỡng và tái huấn luyện - thuần thục vào năm 1971.

T I Ế T III

VÀI NHẬN XÉT VÀ ĐỀ NGHỊ

ĐOẠN I. - Ý NGHĨA CỦA VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN XÃ THÔN. -

Nhìn lại lịch sử xã thôn VN tuy có những lúc hưng thịnh và ngày tháng suy vong, nhưng tựu trung đứng trên đà phát triển mà nói thì xã thôn VN hiện tại vẫn còn trì trệ, chậm tiến so với những chuyển mình vượt bậc của xã hội nông nghiệp tiên tiến. Chính vì trì trệ, chậm tiến nên xã ấp phải gánh chịu nạn đói kém, dốt nát, phân hoá. Do đó vấn đề phát triển gắn bó mật thiết đến nền an ninh và phát triển Quốc Gia. Vậy thế nào là phát triển xã thôn đích thực

1. - Phát triển xã thôn là khai quật cả một truyền thống dân chủ tại hạ tầng cơ sở. -

Đây là ý nghĩa của việc thực thi một nền dân chủ xã ấp. Thôn xã từ ngàn xưa đã có một truyền thống dân chủ nên qua 100 năm thuộc Pháp, 1,000 năm đô hộ của Tàu chỉ một số ít trí thức thành thị bị ảnh hưởng, người dân quê vẫn không hề bị đồng hóa.

Thực thi dân chủ là dung hòa phép vua (luật pháp) với lệ làng (phong tục tập quán) bằng cách trao trả lại cho người dân quyền làm chủ, quyền định đoạt suy tưởng của

minh qua những hình thức bầu cử tự do lựa chọn người đại diện xứng đáng. Sự kiện này tượng trưng cho đặc đức, chính nghĩa để chiến thắng Cộng Sản độc tài bạo động. Đó cũng là ý nghĩa trọng tâm của công cuộc cải tổ hành chánh địa phương : bầu cử, học tập về trách nhiệm bốn phần mình (dân chúng và việc chức xã ấp) và tham gia trực tiếp thường xuyên vào các sinh hoạt cộng đồng của làng xóm.

2.- Phát triển xã thôn là tạo những cộng đồng trách nhiệm giữ gìn làng ấp.

Đó là làm sao cho mọi người dân đứng vào cộng đồng trách nhiệm, chung lo vấn đề an ninh thôn xóm để họ ngồi lại với nhau cùng nhận chịu những ràng buộc tinh thần vật chất mà tự động quy vào hàng ngũ chiến đấu và xây dựng theo ý nghĩa "động vi binh tịnh vi dân". Chương trình nhân dân tự vệ cốt để thỏa mãn cứu cánh này.

3.- Phát triển xã thôn nhằm tạo những cộng đồng phồn thịnh.

Phát triển xã về phương diện kinh tế trước hết là làm sao để nông thôn VN có thể giao tiếp với nền cơ giới ở Tây Phương - Chừng nào lũy tre xanh của thôn quê có bóng dáng chiếc máy cày, máy bơm nước trên đó người dân biết sử dụng bòn trĩ thì nông thôn mới thực sự phát triển tiến bộ (chương trình tự túc Phát triển xã với các dự án sinh lời, cải cách điền địa, ngân hàng nông thôn v.v....)

Khi ấy, kinh tế xã thôn phú túc và thặng dư đưa đến tình trạng trao đổi sản vật lưu thông từ xã lên Quận lên tỉnh, đồng thời lôi kéo theo sự bành trướng thương mại làm con người gần gũi nhau hơn. Cộng sản lúc đó sẽ không còn chiêu bài chận tiến để khai thác nữa.

4.- Phát triển xã thôn nhằm vun bồi một nền văn hóa Dân Tộc.

Văn hóa là kết quả tinh thần của một sinh hoạt có an ninh và kinh tế phát triển. Trong chiều hướng phát triển hiện thời là làm cho xã thôn trù phú nhưng vẫn là xã thôn mang vết tích của văn Hóa VN

có những tình tự dân tộc, tiếng hát lời ca, tập tục lễ nghi bất khuất. Văn hóa dân tộc là hình ảnh biểu tượng quê hương để người Cộng-San hoài vọng về đây như những tế bào của một thân thể da vàng.

5.- Phát triển xã thôn nhằm đào luyện một tầng lớp lãnh đạo cho một xã hội trật tự và quân bình.

Trong lịch sử xã ấp, chưa lúc nào người đại diện dân (xã, ấp) có nhiều quyền hạn và phương tiện hơn bây giờ. Xã trưởng trọn quyền điều động Nghĩa-quân, địa phương Quân Nhân dân tự vệ, Cán bộ, chuyên viên cho nền an ninh và thịnh vượng của xóm làng. Đó là phương sách đào luyện một tầng lớp lãnh đạo tại địa phương.

Từ bao lâu nay, nước ta khủng hoảng lãnh đạo, thiếu lớp người uy tín cầm quyền nên xã hội hỗn loạn, đâm chân - lên nhau. Phát triển xã thôn để củng cố lãnh đạo vững mạnh và xã hội có kỷ cương.

Vấn đề phát triển xã ấp như thế là một vấn đề cấp thiết cho một cuộc cách mạng toàn diện tại nông thôn. Muốn vậy, miền Nam chúng ta cần những điều kiện nào ?

ĐOẠN II.- NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN VÀ ĐỦ ĐỂ PHÁT TRIỂN XÃ ẤP.-

1.- Những điều kiện cần.-

a.- Sự ổn định chính trị.-

Miền Nam hiện tại đã có hiến pháp, có định chế dân cử (Tổng-Thống, Quốc Hội) tức là có đủ tư cách pháp lý để nêu cao chính nghĩa chống sự xâm lăng của Cộng-San. Trong lợi điểm đó, miền Nam cần có một chính sách thực tế, không lệ thuộc viện trợ cho từng lãnh vực : kinh tế, tài chánh, xã hội v.v... để giữ vững giá sinh hoạt, ổn định tình thế tránh các chính sách tiền hậu bất nhất. Người lãnh đạo phải hội đủ các yếu tố khả năng, uy tín, cương trực nhận lãnh trách nhiệm, sửa sai khi lầm lẫn, loại trừ mọi áp lực để tạo niềm tin hậu thuẫn nơi dân chúng thành thị và thôn quê

Mọi cấp từ Tổng Thống đến tôn giáo, đảng phái phải chú ý trách nhiệm của mình đối với dân chúng lịch sử, xóa

bỏ tội hiềm, thực hiện tinh thần đại đoàn kết Quốc Gia. Xã hội sẽ thoát khỏi cảnh xáo trộn trong dân chúng, rối loạn trật tự vì chia rẽ, vì xuống đường đòi quyền sống. Sự ổn định chính trị với nguyên tắc thượng tôn luật pháp, với cơ cấu nhân sự biết đặt quyền lợi chung lên trên cao nhất và những chính sách rõ rệt là những điều kiện thiết yếu cho mọi sự phát triển về sau. gương của Mã Lai Á cho thấy rằng sở dĩ ngày nay đời sống dân chúng đứng bậc 2 ở Á-Châu (sau Nhật-Bản) với lợi tức đầu người 300 mỹ kim (VN: 60 mỹ kim) là nhờ ở sự ổn định chính trị (từ khi thu hồi độc lập 1957 đến nay, Thủ Tướng vẫn do một người lãnh đạo là Tunku - Abdul Rahman).

b.- Quan niệm rõ rệt về chiến tranh du kích.-

Trong niềm tin của sự ổn định chính trị ở thu ợng tầng quốc gia, vấn đề căn bản để tạo điều kiện phát triển xã thôn là phải có một quan niệm rõ rệt về chiến tranh du kích của Cộng-Sản.

Chúng ta đã quá chậm trễ trong sự hình thành một binh thuyết chống du kích ^{Du kích} Cộng-Sản bắt đầu hoạt động từ 1957 và hoành hành mạnh ở nông thôn từ 1959. Miền Nam vừa chiến đấu vừa học hỏi thực tế, học hỏi kinh nghiệm lớn khôn nào tại Mã-Lai, nào Hoa-Kỳ. Hiện tại, trong khi Cộng-Sản thất bại rõ rệt với những trận địa chiến, tham dự Hội Nghị Ba - Lê thì bắt buộc họ phải quay về hình thái du kích để tiếp-tục đấu tranh chính trị vừa đánh vừa đàm. Do đó sự tìm hiểu bản chất du kích và phổ biến quan niệm chống du kích là một điều cần thiết trong cuộc chiến tranh này.

Du kích được xem như là một chiến tranh vì đó là cả một phong trào quần chúng đấu tranh toàn diện, lấy sức mạnh tập thể làm lợi khí. Du kích còn là một chiến thuật vì áp dụng lối đánh ít (võ trang, quân số) và yếu (cơ giới, hỏa lực, kỹ thuật) với một lực lượng đông và mạnh hơn. Muốn thế du kích phải nhờ một thế lực khác là nhân dân. Dân cung cấp lính, ủng hộ tinh thần, tài vật, tin tức, chỗ an toàn cho du kích. Du kích với dân như cá với nước, cần dân vận động hay cưỡng bách làm sao cho dân liên lụy vào hoạt-

động của Cộng-Sản. Do đó có thể nói chiến tranh du kích là một chiến tranh nhân dân, với qui luật riêng biệt của nó.

Nhận định như thế, chúng ta thử tìm phương thức giải quyết bài toán du kích nông thôn. Bản chất của du kích là nhân dân thì chúng ta phải tìm cách bẻ gãy thế nhân dân đó

Ngoài việc thực thi dân chủ ở hạ tầng cơ sở, chúng ta còn tranh thủ nhân tâm, loại bỏ du kích Cộng-Sản bằng nguyên tắc "địa phương hóa quân lực" nhiều hơn là chính quy hóa". Quan niệm lực lượng quốc phòng ngày nay trong chiến tranh du kích là các lực lượng : Địa phương quân, Nghĩa quân và Nhân dân tự vệ. Nguyên tắc này nhằm mục tiêu là trao trả gánh nặng an ninh lại người địa phương bình định để thích nghi với từng hoàn cảnh. Chỉ có người nguyên quán mới hiểu địch tình dân tình tại xã, mới tha thiết đến sự mất còn của xã. Nguyên tắc này chính là một loại tình báo nhân dân sống đông làm giảm nhẹ nhu cầu quân số, đồng thời giúp ta đánh trúng du kích mà không phạm đến nhân dân.

Từ nguyên tắc địa phương hóa lại phát sinh nguyên tắc "nhân dân hóa quân lực" biến cả khối nhân dân thành lực lượng chống Cộng. Đó là chủ trương của chính sách Nhân dân tự vệ là một tổ chức rộng lớn gồm mọi thành phần ở kh ô ng phân biệt giàu nghèo, giai cấp kết hợp nhau từ khắp thôn xóm phố phường để thực hiện một cộng đồng trách nhiệm (tự cùng nhau bảo vệ gia đình, thôn ấp, bản thân ta) đồng thời nêu rõ tính chất tự vệ của chính nghĩa miền Nam.

Các chính sách Phát triển Nông thôn bắt buộc phải chú trọng đến lực lượng này như là một thành phần căn bản nhằm thực hiện 3 cuộc cách mạng : quân sự (loại trừ du kích) chính trị văn hóa (nêu cao ý nghĩa tự vệ của cuộc chiến) và xã hội (chia xẻ đồng đều trách nhiệm trong chiến tranh).

c.- Một chính sách phát triển dài hạn.

Có một niềm tin nơi dân chúng từ sự ổn định chánh-trị, có một quan niệm về du kích chiến chúng ta có thể lập những chương trình phát triển nằm trong một chính sách dài hạn. Thời gian cho một chính sách phát triển nông thôn được

đề nghị là 4 năm phù hợp với nhiệm kỳ Tổng-Thống, người lãnh chịu mọi trách nhiệm về chính sách Quốc Gia. Mục tiêu của chính sách không thay đổi nhưng kế hoạch soạn thảo sẽ có những chủ điểm cho từng năm một căn cứ trên các yếu tố quân sự, chánh trị, địa phương (đồng bào thiểu số v.v....)

Trong chiều hướng đó, nhằm tiến tới một nền kinh tế tự túc tự cường chuẩn bị cho hậu chiến và hòa bình - trường cửu, chính sách Phát Triển Nông Thôn lấy mốc thời gian 1969 có thể chia ra như sau :

- Chủ điểm 1969 : kế hoạch "Bình-Định và Xây Dựng"
- Chủ điểm 1970 : kế hoạch "Bình-Định và Phát Triển"
- Chủ điểm 1971 : kế hoạch "Bình-Định và Phát Triển II".

○ Hoàn tất các dự án tự túc phát triển xã 1970 còn đọng lại.

○ Kiện toàn dự án phát triển tự túc khu vực thị tứ ven đô.

○ Bình trưởng lực lượng Nhân Dân Tự Vệ và đấu tranh chánh trị

- Chủ điểm 1972 : kế hoạch "Phát triển nông thôn"
(Thi hành toàn vẹn các chương trình của mục tiêu u thịnh vượng chung).

2.- Điều kiện đủ : Người cán bộ.-

Trong cuộc cách mạng nông thôn hiện tại mọi chính sách đều được quyết định thành bại bởi yếu tố nhân sự : Người Cán bộ . Cán bộ đảm trách vai trò lãnh đạo vận động nhân dân đi theo đường lối cách mạng và tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng với Cộng-San.

Theo nguyên ngữ : Cán là thân, cái đuôi của một vật để cầm ; Bộ là thông suốt, bộ phận. Vậy cán bộ là người nòng cốt thông suốt những mục tiêu phải làm, cứu cánh phải đạt để hướng dẫn người khác theo mình cùng hành động và

cùng nhìn về một hướng. Do đó để hoàn thành nhiệm vụ trên người cán bộ ngoài sự đào tạo về khả năng chuyên môn còn được chú trọng về tác phong và đạo đức nữa, nhất là đối với cán bộ trẻ trung. Tư cách người cán bộ gồm :

- Đối với nhân dân : (phải thành thật, yêu thương, tôn trọng tài sản tính mạng như chính của mình và hết lòng chỉ dẫn).

- Đối với bản thân : (Tự trọng, liêm chính)

- Đối với đồng bạn : (tránh bệnh tự ái, tự kiêu, nhưng đặt nặng vấn đề đoàn kết xây dựng).

- Đối với cấp trên : (cương trực và chung thủy).

0
0 0

KẾT LUẬN

Cửu cánh của chính sách Phát Triển Nông Thôn nhằm giải quyết cuộc chiến tranh xâm lăng của Cộng-Sản, Xây Dựng dân chủ, thực hiện cách mạng xã hội để tiến đến một nền hòa bình trường cửu và công chính.

Trong viễn tượng ấy, chúng ta thử hình dung một nông thôn ngày mai khi thanh bình sẽ không còn bóng đá ng chiến tranh bom đạn, nền kinh tế xã hội đủ khả năng tự túc tự cường không còn lệ thuộc vào nguồn viện trợ nữa. Nền kinh tế sẽ khôi phục lại mức độ sản xuất lúa gạo, cao su của những năm về trước 1963 để bước lên sang kỹ nghệ nặng. Đó cũng là diễn trình, mô thức chung cho những Quốc Gia chậm tiến chuyên sống về nông nghiệp (như Mã Lai Á). Dĩ nhiên muốn thành công, một quốc gia còn phải hội tụ đủ những điều kiện như :

- Sự ổn định chánh trị
 - Sự an ninh trên toàn lãnh thổ
 - Một chính sách kinh tế độc lập
 - Tài nguyên, nhân lực dồi dào
 - Một lớp doanh nhân có nhiều sáng kiến và can đảm
- Bây giờ Bộ Phát Triển Nông Thôn có thể cải danh lại (Ví dụ Bộ Phát Triển Quốc Gia) để vị Thủ Tướng điều kiện có nhiệm vụ hoạch định những kế hoạch cụ thể phục hưng tổng quát xứ sở về mọi mặt : kinh tế, xã hội v.v.... Mỗi kế hoạch phân-đoạn ra từng 4, 5 năm và sẽ dùng tài nguyên Quốc Gia hay vay mượn thêm của ngoại quốc bằng mọi hình thức độc lập để làm ngân khoản yểm trợ cho chương trình kế hoạch.

Đồng thời, ngoài Cán bộ Phát Triển Nông-Thôn uyên nguyên từ dân chúng, lúc trước như một chất men rơi vào nhân dân để nhân dân chấp nhận lý tưởng xây dựng nông thôn rồi tự nhân dân sẽ thổi dậy thành một phong trào phát triển quê hương. Nay, khi thanh bình trở lại, người cán bộ sẽ tan biến vào nhân dân (bằng cách ứng cử vào các chức vụ do dân bầu nơi mình từng hoạt động, hay chuyển sang các ngành chuyên môn v.v....) để giữ cho phong trào tiến triển mãi, cũng như chất men phảng phất trong hương rượu làm cho rượu không bao giờ bị hư thối.

Còn nếu bây giờ lúc chính sách "Bình-Dịnh và Phát-Triển" đang thi hành, lúc người cán bộ còn đang đấu tranh với Cộng-Sản về mọi mặt mà lại tiết giảm số cán bộ để giảm gánh nặng ngân sách Bộ Xây Dựng Nông Thôn hay để tránh áp lực của người Mỹ và sự cắt xén thù lao của Thượng Viện thì quả là một quan niệm lầm lẫn và tủi nhục. Lầm lẫn vì gánh nặng cán bộ sẽ chuyển qua ngân sách Bộ Quốc Phòng (t h e o luật Tổng Động Viên). Tủi nhục vì đã phủ nhận xương máu và thiên chức của bao nhiêu người đã đang và sẽ hy sinh cho lý tưởng Quốc Gia vững bền./.

Viết xong ngày 15 tháng 9 năm 1970

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I.- SÁCH.-

- Hiệp-Định Genève 1954
 - Một giải pháp cho vấn đề VN
 - Việt Nam nơi chiến trường trác nghiệm
 - Les hameaux stratégiques
 - Ấp chiến lược
 - Phục hưng làng xã
 - Những ý tưởng trên đường xây dựng quê hương
- của Nguyễn Anh Tuấn
Hoàng Văn Lạc
Nghiêm Xuân Hồng
Unesco
Hoàng Khánh
Trần Ngọc Châu
Trường Văn Nguyễn-
Bé

II.- TẠP CHÍ VÀ BÁO.-

- Quê hương
 - Nghiên Cứu Hành Chánh
 - Cấp Tiến
 - Nông Thôn Vùng Dãy
 - Các vấn đề xây dựng nông thôn
 - Tài liệu huấn luyện viên chức Xã Ấp
 - Tài liệu hội thảo công chức, quần nhân khóa 4/70
 - Nhật báo : Lập Trường, Cấp Tiến, Độc Lập, Hòa Bình, Chính Luận.
 - Kế hoạch XDNT : 1966, 1967, 1968, 1969
- Đào Quang Huy
Trung Tâm Chí Linh